



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 32/2026
Từ 17/8 - 21/8/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM: KHÔNG ĐỂ THỰC TIỄN ĐI QUÁ XA RỜI LÝ LUẬN MỚI TỔNG KẾT

Chiều ngày 20/8/2026, tại Hà Nội, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Đoàn công tác của Trung ương đã thăm và làm việc với lãnh đạo chủ chốt Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu chỉ đạo (Ảnh: TTXVN)

Sau khi nghe báo cáo, các ý kiến phát biểu thẳng thắn, tâm huyết, có chiều sâu lý luận và bám sát thực tiễn, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm ghi nhận và biểu dương những nỗ lực và đóng góp quan trọng của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương, các viện trực thuộc và hệ thống trường chính trị cả nước trong thời gian vừa qua.

Cơ bản đồng tình với các định hướng lớn, trong thời gian tới, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước nhấn mạnh phải đánh giá đúng kết quả, nhìn thẳng vào những hạn chế; xác định rõ vị trí, sứ mệnh và yêu cầu phát triển Học viện trong giai đoạn mới.

Học viện phải thực hiện đầy đủ, đồng bộ và ngày càng nâng cao chất lượng các chức năng, nhiệm vụ được giao; xứng tầm với trường Đảng Trung ương, trung tâm quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý; nghiên cứu lý luận chính trị, khoa học lãnh đạo, quản lý hành chính, quản lý nhà nước và quản trị công. Mỗi lĩnh vực phải tạo ra những sản phẩm có giá trị lý luận, thực tiễn, trực tiếp phục vụ công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ; tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Các chức năng phải được kết nối thành một chỉnh thể, tạo sức mạnh tổng hợp về tri thức, lý luận và thực tiễn. Học viện phải nâng cao mạnh mẽ năng lực nghiên cứu, dự báo và tư vấn chiến lược; chủ động tổng kết những vấn đề lớn, phát hiện xu hướng mới, nhận diện sớm những vấn đề chưa có tiền lệ và những biến đổi tác động đến đất nước; cung cấp kịp thời luận cứ khoa học, lý luận, thực tiễn tin cậy cho việc hoạch định, hoàn thiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Học viện phải góp phần đào tạo ra đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy lý luận và tư duy chiến lược, năng lực lãnh đạo, quản trị, tổ chức thực hiện; đủ sức chuyển hóa đường lối thành kết quả cụ thể; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; chủ động, kiên quyết đấu tranh phản bác các luận điểm sai trái, thù địch.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đề nghị phải đổi mới đồng bộ phương thức hoạt động, tạo chuyển biến rõ về chất lượng và hiệu quả; cần nâng tầm nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tư vấn chiến lược và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Không để thực tiễn đi quá xa rồi lý luận mới tổng kết; vấn đề đã thành điểm nghẽn rồi mới có chính sách chạy theo.

Tổ chức khoa học việc tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, 40 năm thực hiện Cương lĩnh 1991 và chương trình đặc biệt giai đoạn 2026 - 2030. Mỗi nhiệm vụ cần tạo ra hệ sản phẩm học thuật: kiến nghị chính sách, dữ liệu, tình huống, học liệu; lấy tính mới, đúng, kịp thời, sức thuyết phục và mức độ được sử dụng làm thước đo.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh, phải đổi mới căn bản, toàn diện đào tạo, bồi dưỡng theo hướng phát triển sản phẩm và năng lực cán bộ. Chuyển từ “biết lý luận” sang “hiểu đúng, vững tin, vận dụng sáng tạo, hành động có trách nhiệm”; lấy lý luận làm nền tảng, bản lĩnh chính trị làm cốt lõi, năng lực tổ chức thực hiện làm yêu cầu trực tiếp, đạo đức và liêm chính làm chuẩn, lợi ích của nhân dân làm thước đo.

Học viện xây dựng khung năng lực theo cấp lãnh đạo, nhóm chức danh, vị trí việc làm. Đưa những vấn đề thật, tình huống khó, xung đột lợi ích và áp lực quyết định vào lớp học để giải quyết bằng tình huống, bằng giải pháp thực tiễn.

Trong mô hình “giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức,” học viên đóng góp tri thức thực tiễn; giảng viên định hướng chính trị, phương pháp và neo chốt về lý luận. Kết nối đào tạo với quy hoạch, sử dụng, đánh giá cán bộ nhưng không cơ học hóa điểm số, văn bằng thành tiêu chuẩn duy nhất để quyết định nhân sự. Học tập suốt đời phải trở thành kỷ luật của tổ chức, thói quen của cán bộ; khắc phục việc học không đi đôi với làm.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm lưu ý, tổ chức lại phương thức vận hành để thống nhất tri thức, chính sách, đào tạo và thực tiễn. Xây dựng đội ngũ ngang tầm nhiệm vụ, xây dựng Đảng bộ và văn hóa trường Đảng tiêu biểu, mẫu mực. Đổi mới tuyển chọn, đánh giá, sử dụng, đãi ngộ theo phẩm chất, năng lực và sản phẩm, tác động; không bình quân, không chỉ dựa vào học hàm, học vị.

Đội ngũ giảng viên đi thực tế là rất quan trọng, tiếp tục đi đào tạo, học tập cũng rất quan trọng, để các nhà khoa học hiểu quá trình ra quyết định, cán bộ thực tiễn tham gia đào tạo, nghiên cứu. Học viện phải là hình mẫu về xây dựng Đảng, kỷ luật, liêm chính học thuật, đạo

đức công vụ, sử dụng nguồn lực công, trách nhiệm giải trình; chống hình thức, gian lận học thuật, ngại tranh luận, né tránh vấn đề khó. Cán bộ, giảng viên phải đi đầu trong học tập suốt đời và nêu gương bằng chất lượng công việc.

Bên cạnh đó, phải tạo đột phá về dữ liệu, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI) và quản trị thực thi. Chuyển đổi số phải tái thiết kế quản trị, nghiên cứu, học tập trên kiến trúc dữ liệu thống nhất; dữ liệu phải “đúng, đủ, sạch, sống”, có nguồn gốc, chủ thể chịu trách nhiệm, được phân quyền và bảo vệ.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước nhấn mạnh ngay sau cuộc làm việc, Ban Giám đốc Học viện hoàn thiện chương trình hành động đến năm 2030 và kế hoạch hằng năm. Chọn việc tạo chuyển biến để làm trước, làm đến cùng. Mỗi nhiệm vụ phải rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm.

Các ban, bộ, ngành, địa phương coi việc phối hợp với Học viện là trách nhiệm chung; chủ động đặt hàng vấn đề thực tiễn, chia sẻ dữ liệu đúng thẩm quyền, tạo điều kiện đi thực tế, cử cán bộ đi học đúng nhu cầu và phản hồi sau đào tạo. Các tỉnh ủy, thành ủy xây dựng trường chính trị đúng quy định, gắn đạt chuẩn với chất lượng, hiệu quả.

Nguồn: vietnamplus.vn

THỦ TƯỚNG CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP CHÍNH PHỦ VỀ 12 DỰ ÁN LUẬT, NGHỊ QUYẾT QUAN TRỌNG DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI

Chiều ngày 18/8/2026, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng chủ trì Phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 8/2026 để cho ý kiến đối với 12 dự án luật, nghị quyết dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 2.

Tại phiên họp, với tinh thần khẩn trương, trách nhiệm cao, Chính phủ đã xem xét, cho ý kiến đối với 11 dự án luật, 1 nghị quyết dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 2, gồm: (1) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thuế tài nguyên; (3) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; (4) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập; (5) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động, Luật Lưu trữ, Luật Bình đẳng giới và Luật Hoạt động chữ thập đỏ, Luật Việc làm; (6) Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi); (7) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội; (8) Luật Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; (9) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; (10) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; (11) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trẻ em, Luật Người khuyết tật, Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Dược và Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia; (12) Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Các đại biểu tập trung rà soát, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, kết luận, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền trong các dự án luật, nghị quyết; bảo đảm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, vấn đề cấp bách đang phát sinh từ thực tiễn; rà soát tính thống nhất, đồng bộ và khả thi của các chính sách, nhận diện những quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn hoặc có nguy cơ tạo ra xung đột, “điểm nghẽn” mới; bảo đảm phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, thực chất nhưng phải gắn với phân bổ nguồn lực, nhân lực, công cụ đi kèm và việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; rà soát kỹ về thời điểm có hiệu lực, điều khoản chuyển tiếp, nội dung giao quy định chi tiết và tính chủ động trong chuẩn bị đồng thời văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, nhằm bao quát hết các trường hợp trong thực tiễn, không để xảy ra khoảng trống pháp lý, bảo đảm luật được triển khai ngay khi có hiệu lực.

Kết luận phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hung cho biết, Chính phủ cơ bản thống nhất về sự cần thiết của việc xây dựng sửa đổi, bổ sung các dự án luật, nghị quyết trình tại Phiên họp, Thủ tướng cho ý kiến về một số nội dung cụ thể trong các dự án để các đồng chí bộ trưởng, trưởng ngành tiếp thu và hoàn thiện.

Với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thủ tướng yêu cầu rà soát kỹ từng chính sách, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của cấp có thẩm quyền, nhất là Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 21-NQ/TW của Trung ương về quan điểm, định hướng sửa đổi Luật Đất đai và các luật có liên quan, bảo đảm tính đồng bộ giữa pháp luật về thuế với pháp luật có liên quan, nhất là về đất đai, giáo dục... Đối với các vấn đề liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân, phải đánh giá đầy đủ tác động, quy định rõ ràng, minh bạch và khả thi; nghiên cứu quy định thuế ưu đãi phù hợp với các doanh nghiệp cung cấp suất ăn trường học. Các cơ chế, chính sách về thuế phải đơn giản, dễ áp dụng.

Về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thuế tài nguyên, Thủ tướng nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa pháp luật về tài nguyên, địa chất, khoáng sản với pháp luật có liên quan...; rà soát các quy định sửa đổi về đối tượng chịu thuế, sản lượng tính thuế, giá tính thuế, thuế suất tài nguyên bảo đảm tính minh bạch, khả thi, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính, nâng cao công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với tài nguyên, khoáng sản.

Với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Thủ tướng yêu cầu tiếp tục rà soát các quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; rà soát các quy định nhằm phát triển thị trường chứng khoán an toàn, minh bạch, trở thành kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế; đồng thời không tạo khoảng trống pháp lý, ảnh hưởng đến an toàn thị trường và quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Thủ tướng nhấn mạnh cần bảo đảm tính đồng bộ với pháp luật có liên quan; bảo đảm các quy định phải minh bạch, khả thi, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và kỷ luật tài chính; tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện, nhất là trên môi trường điện tử.

Về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Thủ tướng nhấn mạnh cần khắc phục những bất cập trong thực tiễn, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; lưu ý tiếp tục rà soát các quy định, thủ tục, tiêu chuẩn, quy chuẩn, điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo đảm kiểm soát được nhưng đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

Về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội, Thủ tướng yêu cầu rà soát các quy định sửa đổi về đối tượng tham gia bảo hiểm nhằm tiếp tục mở rộng đối tượng, phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển; bảo đảm chính sách rõ ràng, ổn định, khả thi, thuận lợi cho người lao động, người sử dụng lao động và cơ quan thực thi; rà soát kỹ quy định về Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội, nghiên cứu hoàn thiện các quy định để bảo đảm an toàn và phát huy tối đa hiệu quả Quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo đảm công khai, minh bạch.

Về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, Thủ tướng yêu cầu rà soát, sửa đổi, đồng bộ các quy định của pháp luật để thực hiện mục tiêu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, phục vụ tăng trưởng 2 con số và đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật có liên quan, nhất là Luật Đầu tư, Luật Quản lý nợ công; bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng, Nghị quyết 253/2025/QH15 về cơ chế, chính sách phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026-2030. Thủ tướng cho rằng, luật cần làm rõ nguyên tắc để xử lý một số vấn đề được các nhà đầu tư rất quan tâm liên quan giải tỏa công suất, giá mua điện, đơn vị mua điện...; đồng thời lưu ý trách nhiệm của Bộ Công Thương trong việc bảo đảm tiến độ triển khai các dự án điện theo quy hoạch.

Về Luật sửa đổi, bổ sung một số luật lĩnh vực y tế, Thủ tướng nhấn mạnh yêu cầu rà soát các quy định nhằm cắt giảm các chi phí trung gian để thuốc, thiết bị y tế đến tay người bệnh với giá thành thấp nhất.

Đối với Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI, các bộ, ngành khẩn trương hoàn thiện các dự án dự kiến trình; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu, bảo đảm chất lượng, tiến độ. Các đồng chí bộ trưởng, trưởng ngành tiếp tục tập trung, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động chuẩn bị từ sớm, không để dồn việc vào sát Kỳ họp; khi xây dựng luật, nghị quyết phải rà soát kỹ sự cần thiết, tính hợp pháp, điều khoản chuyển tiếp, thời điểm có hiệu lực và nội dung giao quy định chi tiết, chủ động chuẩn bị dự thảo các văn bản quy định chi tiết để bảo đảm luật được triển khai ngay khi có hiệu lực.

Chuẩn bị cho Phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật thứ hai trong tháng 8, Thủ tướng yêu cầu các đồng chí bộ trưởng, trưởng ngành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực để hoàn thiện hồ sơ các dự án luật, nghị quyết trình Chính phủ, trong đó có nhiều dự án luật rất quan trọng như: Luật về văn bản quy phạm pháp luật (thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật), Luật Đấu thầu (sửa đổi), Luật Phát triển công nghiệp văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

Về tổng rà soát hệ thống pháp luật, các bộ, ngành khẩn trương thực hiện tổng rà soát; chủ động nhận diện, xử lý những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập; trong đó đặc biệt rà soát

các quy định có liên quan đến Luật Đất đai tới đây sẽ được sửa đổi, bổ sung, bảo đảm bám sát theo các quan điểm, chỉ đạo của Trung ương.

Nguồn: baochinhphu.vn

TỔNG RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT: LẤY CHẤT LƯỢNG PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VÀ KHẢ NĂNG TRIỂN KHAI LÀM THƯỚC ĐO KẾT QUẢ

Sáng ngày 19/8/2026, tại trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu chủ trì họp về tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Theo báo cáo của Bộ Tư pháp, về cơ bản, các cơ quan Trung ương và địa phương đã xác định được đối tượng, phạm vi thuộc trách nhiệm tổng rà soát; đồng thời xác định những vướng mắc, bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp trong các quy định pháp luật thuộc phạm vi phụ trách, qua đó đề xuất phương án, hình thức và lộ trình xử lý văn bản. Kết quả bước đầu phản ánh tương đối toàn diện thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay.

Việc tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tập trung vào các tiêu chí có số lượng văn bản cần xử lý lớn, như: sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của hệ thống pháp luật; các quy định không rõ ràng, có nhiều cách hiểu, không hợp lý, không phù hợp thực tiễn, không khả thi, gây khó khăn, vướng mắc trong áp dụng, thực hiện hoặc cản trở quá trình phát triển; các nội dung, lĩnh vực, vấn đề chưa có quy định pháp luật điều chỉnh. Tuy nhiên, kết quả rà soát bước đầu vẫn còn một số hạn chế. Số liệu tại một số cơ quan, địa phương chưa đầy đủ, chính xác, thống nhất; một số báo cáo còn chung chung, sơ sài; việc cập nhật các văn bản có bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo chưa đầy đủ.

Sản phẩm của tổng rà soát phải là phương án xử lý

Sau khi lắng nghe ý kiến của các đại biểu, Phó Thủ tướng ghi nhận nỗ lực của Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, địa phương trong triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Nhấn mạnh kết quả cuối cùng phải phục vụ trực tiếp việc thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 09-KL/TW và Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI, Phó Thủ tướng đề nghị sản phẩm của tổng rà soát phải là phương án xử lý, không phải chỉ là danh mục văn bản.

Theo đó, báo cáo tổng hợp của Bộ Tư pháp, của các bộ, ngành và báo cáo chuyên đề cần bảo đảm 4 yêu cầu: (i) sau rà soát hệ thống pháp luật được tinh gọn như thế nào, bao nhiêu văn bản phải sửa đổi, thay thế, bãi bỏ?; (ii) những mâu thuẫn, chồng chéo, khó khăn, vướng mắc lớn nào được xử lý? Mức độ đáp ứng yêu cầu theo Kết luận số 09-KL/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW và chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và Thủ tướng như thế nào?; (iii) việc xử lý mang lại kết quả gì đối với đổi mới mô hình phát triển đất nước, nhất là về thủ tục, điều kiện kinh doanh, thời gian và chi phí tuân thủ? (iv) kết quả rà soát được chuyển thành những nhiệm vụ lập pháp, lập quy và lộ trình thực hiện ra sao?

Trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị

Đối với các bộ, ngành, địa phương, Phó Thủ tướng yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện báo cáo và kết quả rà soát thuộc phạm vi quản lý. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phải trực tiếp nghe báo cáo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, chất lượng kết quả rà soát.

Những vấn đề đã rõ, đã đủ cơ sở thì chủ động xử lý hoặc đề xuất xử lý ngay theo thẩm quyền. Việc xác định lộ trình phải tập trung trước hết vào các vấn đề trọng tâm trong năm 2026, 2027.

Đặc biệt, tổ chức tham vấn thực chất đối tượng chịu sự tác động, đội ngũ trực tiếp thi hành, hiệp hội đại diện ngành,...; phải gắn kết quả rà soát với yêu cầu đổi mới mô hình phát triển, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội.

Về phía Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, Bộ Tư pháp tiếp thu đầy đủ các ý kiến hợp lý, tiếp tục rà soát, hoàn thiện Báo cáo của Chính phủ.

Phó Thủ tướng đề nghị các bộ, ngành, địa phương cùng với Bộ Tư pháp tập trung hoàn thiện kết quả rà soát; lấy chất lượng phương án xử lý và khả năng triển khai thực hiện làm thước đo kết quả của cuộc tổng rà soát.

Nguồn: baohinhphu.vn

CẦN THIẾT TÍCH HỢP THỰC CHẤT 4 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA HIỆN HÀNH

Sáng ngày 19/8/2026, họp phiên toàn thể tại Hội trường, Quốc hội nghe báo cáo về việc tích hợp 4 chương trình mục tiêu quốc gia thành 1 chương trình mục tiêu quốc gia với tên gọi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.

Khắc phục chùng chéo, dàn trải, thu gọn đầu mối quản lý

Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, trình bày Tờ trình về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn nhấn mạnh mục tiêu, quan điểm và phương án tổ chức lại 4 chương trình mục tiêu quốc gia hiện hành.

Theo đó, việc tổ chức lại nhằm cơ cấu Chương trình theo các nhóm vấn đề cần giải quyết, khắc phục tình trạng chùng chéo, dàn trải; thu gọn đầu mối quản lý, đơn giản hóa thủ tục, tăng khả năng lồng ghép nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, đồng thời bảo đảm hoàn thành đầy đủ các mục tiêu đã được Quốc hội quyết nghị.

Quan điểm tích hợp là không thực hiện theo hướng “cơ học”, không làm thay đổi, thu hẹp hoặc sai lệch mục tiêu của 4 chương trình hiện hành mà chỉ cơ cấu lại nhiệm vụ để tránh trùng lặp. Chương trình được tổ chức theo các nhóm vấn đề, có cơ chế chuyển tiếp để bảo đảm các nhiệm vụ không bị gián đoạn; thiết kế theo một logic chính sách chung, chuẩn hóa về mục tiêu, đối tượng, địa bàn, nguồn lực và sản phẩm đầu ra.

Theo phương án trình, Chương trình gồm 7 nhóm nhiệm vụ: (1) phát triển hạ tầng thiết yếu, bảo vệ môi trường; (2) phát triển kinh tế nông thôn, sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, việc làm và thu nhập; (3) hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và nguồn nhân lực; (4) chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển; (5) bảo tồn và phát triển văn hóa; (6) chính sách đặc thù đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, ưu tiên nhà ở, đất ở, nước sinh hoạt, tái định cư, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, vùng được liệu; (7) quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyển đổi số, kiểm tra, đánh giá và truyền thông.

Về cơ chế quản lý, Chương trình được tổ chức trên cơ sở dữ liệu dùng chung, theo dõi đồng bộ mục tiêu, nguồn lực, dự án, tiến độ, giải ngân, quyết toán, đối tượng thụ hưởng và sản phẩm đầu ra. Kết quả thực hiện là căn cứ để phân bổ, điều chuyển nguồn lực và đánh giá trách nhiệm.

Các cơ chế, chính sách đặc thù được rà soát, hợp nhất theo nguyên tắc kế thừa; chỉ mở rộng đối với những nội dung có tính chất tương đồng và bảo đảm phù hợp pháp luật chuyên ngành. Đồng thời, xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra bằng các chỉ số lượng hóa về mức độ hoàn thành mục tiêu, tiến độ, giải ngân, chế độ báo cáo và mức độ hài lòng của người dân.

Việc tổ chức thực hiện được đẩy mạnh phân cấp theo nguyên tắc “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, gắn với giám sát, đánh giá kết quả. Mục tiêu là giảm đầu mối, văn bản và thủ tục trung gian, tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển và các nhiệm vụ trực tiếp tạo ra kết quả.

Về các nhiệm vụ chuyển tiếp, Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn cho biết, các nhiệm vụ đã được phê duyệt, bố trí vốn và triển khai trong năm 2026 tiếp tục được thực hiện, thanh toán, quyết toán theo quy định đã ban hành, bảo đảm không làm gián đoạn Chương trình.

Dự toán và kế hoạch vốn năm 2027 được lập theo quy định hiện hành để trình Quốc hội. Sau khi được giao dự toán, các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương rà soát, phân bổ chi tiết, điều chỉnh, điều chuyển hoặc dừng các nhiệm vụ không còn phù hợp theo phân cấp.

Trên cơ sở đó, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình giai đoạn 2026 - 2035 theo đề xuất tại mục IV; giao Chính phủ quyết định cơ cấu các nguồn vốn trong tổng nguồn lực 808.558 tỷ đồng, đồng thời ban hành một Nghị quyết quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình theo hướng đơn giản hóa thủ tục, rõ tiêu chí đầu ra, phân cấp mạnh và xử lý đầy đủ các vấn đề chuyển tiếp.

Hội đồng Dân tộc: Cần thiết tích hợp thực chất 4 chương trình mục tiêu quốc gia

Thẩm tra nội dung này, Hội đồng Dân tộc thống nhất với Chính phủ về sự cần thiết tích hợp thực chất 4 chương trình mục tiêu quốc gia hiện hành thành một chương trình tổng thể nhằm sử dụng nguồn lực hiệu quả, đầu tư đồng bộ, tăng quyền chủ động và trách nhiệm của địa phương, chuyển từ quản lý theo quy trình sang quản lý theo kết quả đầu ra.

Theo Hội đồng Dân tộc, việc tích hợp cũng nhằm khắc phục tình trạng nhiều đầu mối, khó lòng ghép nguồn lực, chậm phân bổ và giải ngân. Thực tiễn giai đoạn 2021 - 2025 cho thấy giải ngân ngân sách Trung ương mới đạt 76,8%, kinh phí thường xuyên đạt 70,2%; vốn kéo dài sang năm 2026 đến ngày 31/7/2026 mới giải ngân khoảng 23%. Do đó, cùng với tích hợp, cần

xử lý đồng bộ các hạn chế về thiết kế chính sách, chuẩn bị nhiệm vụ, khả năng hấp thụ vốn, thủ tục và cơ chế phối hợp.

Về hoàn thiện hồ sơ, nguyên tắc tích hợp và tính khả thi, Hội đồng Dân tộc cho rằng Chính phủ đã cơ bản tiếp thu ý kiến tại Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chuyển cách tiếp cận từ “thống nhất” 4 chương trình sang trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư một chương trình mới; hồ sơ cũng đã chuẩn hóa số liệu, làm rõ hơn nội dung kế thừa, sửa đổi, bổ sung. Hồ sơ cơ bản đủ điều kiện trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Hội đồng Dân tộc đề nghị Chính phủ tiếp tục rà soát, bảo đảm thống nhất giữa Tờ trình, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ, nhất là về nguồn lực, nhiệm vụ và tổ chức quản lý.

Hội đồng Dân tộc nhất trí nguyên tắc tích hợp không làm thu hẹp mục tiêu, phạm vi, đối tượng, quyền lợi và mức độ ưu tiên của các chương trình hiện hành, không làm giảm các chính sách và mục tiêu bắt buộc. Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nguyên tắc “ưu tiên ở mức cao nhất” cần được bảo đảm xuyên suốt từ phân bổ nguồn lực, tổ chức thực hiện đến giám sát.

Nguồn: baohinhphu.vn

CẮT HÀNG LOẠT GIẤY TỜ TRONG THANH TOÁN, CHI TRẢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kho bạc Nhà nước cho biết đã cắt giảm 84% thành phần hồ sơ đối với chi thường xuyên, rút thời gian thanh toán xuống còn một ngày và duy trì hơn 99,25% giao dịch chi ngân sách qua dịch vụ công trực tuyến.

Kho bạc Nhà nước mạnh tay cắt giảm thủ tục thanh toán

Theo Kho bạc Nhà nước, có 21/25, tương đương 84%, thành phần hồ sơ trong thanh toán, chi trả các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước được cắt giảm, đơn giản hóa. Đơn vị giao dịch chủ yếu gửi các hồ sơ gồm văn bản phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền; chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng; danh sách thanh toán cho đối tượng thụ hưởng và danh sách thanh toán cho lưu học sinh.

Trong khi đó, nhiều loại hồ sơ trước đây như hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ, văn bản phê duyệt chỉ tiêu biên chế, quy chế chi tiêu nội bộ... được loại bỏ.

Theo quy định mới, Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán theo đề nghị của đơn vị giao dịch khi khoản chi nằm trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao và đáp ứng quy định của Luật ngân sách nhà nước. Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác của hồ sơ, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định.

Đáng chú ý, thời gian thanh toán các khoản chi thường xuyên được rút từ 2 ngày làm việc xuống còn 1 ngày làm việc, kể từ khi Kho bạc Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ và khoản chi đủ điều kiện thanh toán.

Bên cạnh đó, các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, ngoại trừ một số trường hợp được quy định cụ thể. Nghị định 347/2025/NĐ-CP cũng bổ sung những phương thức thực hiện như qua dịch vụ bưu chính công ích, thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định pháp luật.

Đầu tư công được phân quyền, thanh toán trên môi trường số

Nhiều thành phần hồ sơ cũng được cắt giảm. Một số hợp đồng, dự toán, phương án đền bù giải phóng mặt bằng được thay bằng bảng tổng hợp thông tin. Một số chỉ tiêu về khối lượng, đơn giá cũng được lược bỏ. Các nội dung kê chi tiết từng đối tượng nhận tiền, giá trị biên bản nghiệm thu bàn giao nhà trong một số bảng kê cũng được bỏ.

Ngoài ra, một số hồ sơ pháp lý như quyết định hoặc văn bản phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng, thỏa thuận liên doanh, liên danh, kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng... cũng được loại bỏ theo quy định mới.

Thời gian thanh toán giải ngân được rút ngắn, chậm nhất trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ; riêng các khoản tạm ứng được thực hiện trong 1 ngày làm việc.

Cùng với cải cách hồ sơ, Kho bạc Nhà nước tiếp tục đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, KBNN triển khai dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử, từ tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ đến trả kết quả điện tử.

Đến nay, mọi khoản chi ngân sách nhà nước, trừ các khoản chi bí mật nhà nước phải giao dịch trực tiếp theo quy định, được thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Kho bạc Nhà nước duy trì 100% thủ tục hành chính được thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. 100% đơn vị sử dụng ngân sách tham gia dịch vụ công trực tuyến, với tỷ lệ giao dịch chi ngân sách nhà nước qua phương thức này duy trì trên 99,25%, không bao gồm khối an ninh, quốc phòng.

Trung bình mỗi ngày có 75.000-100.000 hồ sơ, chứng từ được gửi qua dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước. Vào ngày cao điểm trong tháng, con số này lên tới 170.000-200.000 hồ sơ, chứng từ chi ngân sách nhà nước.

Trong thời gian tới, Kho bạc Nhà nước tiếp tục hướng tới Kho bạc số, hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và kiện toàn tổ chức bộ máy.

Một nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục đơn giản hóa hồ sơ thanh toán, nghiên cứu thay quyết định phê duyệt dự án đầu tư bằng bảng tổng hợp thông tin dự án, gộp giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy rút vốn đầu tư thành một chứng từ.

Đối với chi thường xuyên, Kho bạc Nhà nước nghiên cứu tiếp tục đơn giản hóa các chỉ tiêu trên giấy rút dự toán, hướng tới mục tiêu 100% hồ sơ thanh toán qua dịch vụ công trực tuyến, không còn đơn vị sử dụng ngân sách phải đến giao dịch trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước.

Bên cạnh đó, Kho bạc Nhà nước tiếp tục xây dựng hệ thống Thông tin ngân sách và kế toán nhà nước số (VDBAS), hướng tới quản lý dữ liệu thanh toán tập trung, trực tuyến, chia sẻ dữ liệu dùng chung của ngành tài chính và cung cấp thông tin thu, chi ngân sách kịp thời.

Đồng thời, kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ tiếp tục được siết chặt. Công chức làm nhiệm vụ thanh toán, chi trả vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước bị nghiêm cấm lợi dụng chức năng, nhiệm vụ để gây phiền hà, sách nhiễu hoặc trục lợi.

Song song đó, hệ thống giám sát từ xa sẽ tiếp tục được hoàn thiện nhằm kịp thời phát hiện các giao dịch thanh toán, chi trả ngân sách chưa bảo đảm thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định.

Nguồn: vtv.vn

NGƯỜI DÂN CÓ THỂ NHẬN LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP QUA TÀI KHOẢN HƯỞNG AN SINH XÃ HỘI TRÊN VNEID TỪ NGÀY 28/9

Từ ngày 28/9/2026, người dân có thể nhận lương hưu, trợ cấp qua tài khoản hưởng an sinh xã hội trên VNeID. Đây là điểm mới đáng chú ý được quy định tại Nghị định số 320/2026/NĐ-CP ngày 13/8/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử.

Việc bổ sung tài khoản hưởng an sinh xã hội trên VNeID được kỳ vọng sẽ góp phần hình thành phương thức chi trả an sinh xã hội hiện đại, an toàn và thuận tiện, phù hợp với tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

Quy định mới về tài khoản hưởng an sinh xã hội trên VNeID

Nghị định số 320/2026/NĐ-CP bổ sung nội dung mới liên quan đến tài khoản hưởng an sinh xã hội vào hệ thống định danh điện tử, đó là: Lần đầu quy định về tài khoản hưởng an sinh xã hội trên ứng dụng định danh quốc gia, đồng thời xác định hình thức chi trả hỗ trợ, lương hưu và các khoản an sinh xã hội qua tài khoản này.

Theo Điều 1 Nghị định 320/2026/NĐ-CP, tài khoản hưởng an sinh xã hội được xác định là thông tin định danh trên VNeID, cho phép chủ thể danh tính điện tử tích hợp một tài khoản thanh toán, ví điện tử hoặc tài khoản tiền di động để tiếp nhận các khoản tiền liên quan đến chính sách an sinh xã hội.

Các khoản có thể được tiếp nhận gồm: Tiền hỗ trợ, lương hưu, các khoản chi trả an sinh xã hội và những khoản kinh phí hợp pháp khác. Lưu ý, tài khoản này không phải một loại tài khoản ngân hàng độc lập, mà VNeID đóng vai trò là nền tảng định danh, nơi người dân có thể tích hợp tài khoản thanh toán, ví điện tử hoặc tài khoản tiền di động của mình để phục vụ việc nhận tiền.

Cơ chế sử dụng tài khoản hưởng an sinh xã hội được quy định cụ thể tại khoản 9 Điều 9 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 5 Nghị định số 320/2026/NĐ-CP. Theo quy định mới, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội có thể

thực hiện chi trả các khoản hỗ trợ, lương hưu, an sinh xã hội và những khoản kinh phí hợp pháp khác từ ngân sách Nhà nước bằng hình thức chuyển khoản đến Tài khoản hưởng an sinh xã hội trên VNeID.

Bảo đảm linh hoạt trong chi trả, không ảnh hưởng quyền lợi người thụ hưởng

Việc sử dụng tài khoản hưởng an sinh xã hội không đồng nghĩa với việc mọi người dân bắt buộc phải nhận tiền theo phương thức này ngay. Nghị định số 69/2024/NĐ-CP quy định trường hợp người thụ hưởng chưa tạo lập tài khoản hưởng an sinh xã hội và chưa có văn bản ủy quyền tiếp nhận, khoản an sinh xã hội vẫn được chi trả bằng hình thức khác theo quy định hiện hành.

Quy định này tạo sự linh hoạt trong quá trình triển khai, nhất là đối với những người chưa có điều kiện sử dụng các phương thức thanh toán số hoặc chưa hoàn tất việc tích hợp tài khoản trên VNeID.

Bên cạnh các khoản chi từ ngân sách Nhà nước, Nghị định số 320/2026/NĐ-CP cũng khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chi trả tiền hỗ trợ từ thiện hoặc các khoản kinh phí hợp pháp khác không có nguồn từ ngân sách Nhà nước thông qua Tài khoản hưởng an sinh xã hội trên VNeID.

Một yêu cầu quan trọng được đặt ra là mỗi cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ được tích hợp một trong ba loại tài khoản gồm tài khoản thanh toán, ví điện tử hoặc tài khoản tiền di động để hưởng an sinh xã hội. Tài khoản được tích hợp phải là tài khoản chính chủ và có thông tin trùng khớp với thông tin trong tài khoản định danh điện tử, nhằm bảo đảm tiền được chuyển đúng người thụ hưởng, hạn chế nguy cơ nhầm lẫn, giả mạo hoặc lợi dụng thông tin định danh để nhận tiền.

Theo Bảo hiểm xã hội Việt Nam, từ ngày 28/9/2026, khi quy định có hiệu lực, người dân thuộc diện được hưởng các khoản hỗ trợ, lương hưu và chính sách an sinh xã hội có thể chủ động tạo lập tài khoản hưởng an sinh xã hội trên VNeID và tích hợp tài khoản phù hợp để tiếp nhận tiền.

Nguồn: nhandan.vn

TRẠM CÔNG DÂN SỐ ĐƯỢC BỘ CÔNG AN CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP BỘ

Trạm Công dân số vừa được Bộ Công an công nhận là sáng kiến cải cách hành chính cấp Bộ, ghi nhận những nỗ lực của Công an Thành phố Hồ Chí Minh trong đổi mới tư duy, ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả.

Trạm Công dân số là sáng kiến của Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (PC06) Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) Bộ Công an chủ trì triển khai, cùng sự đồng hành của các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp.

Đây là bước đi nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đề án 06 của Chính phủ và Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, mô hình giúp tăng cường sự tương tác, hỗ trợ giữa cơ quan chức năng, lực lượng công an với người dân ngay từ cơ sở, tạo nền tảng quan trọng xây dựng chính quyền điện tử hiện đại, minh bạch và gần dân.

Đại tá Ngô Xuân Thọ - Trưởng phòng PC06, Công an Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định, việc ra mắt và nhân rộng Trạm Công dân số với rất nhiều tiện ích là kết quả của sự chuyển mình từ quản lý hành chính sang phục vụ hành chính. Trạm cung cấp thiết bị số tập trung, đa tiện ích để sử dụng miễn phí hoàn toàn ngay tại khu dân cư, hỗ trợ người dân, không phân biệt và hạn chế đối tượng sử dụng. Đồng thời đây cũng là một trong những tiêu chí xây dựng lực lượng công an cơ sở gần dân, trọng dân, hiểu dân và vì dân.

Vào tháng 7 vừa qua, Hội đồng xét, đề nghị công nhận sáng kiến Cải cách hành chính cấp Bộ thuộc Bộ Công an đã có buổi làm việc với Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Các thành viên Hội đồng nhận định, mô hình Trạm Công dân số có nhiều ưu điểm nổi bật như: phục vụ người dân ngày đêm, giảm thời gian, chi phí và khoảng cách thực hiện thủ tục hành chính, tích hợp nhiều tiện ích trong một thiết bị, nâng cao trải nghiệm và mức độ hài lòng của người dân, góp phần giảm tải cho cơ quan hành chính, tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến và khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư. Mô hình linh hoạt, dễ triển khai, có tính thực tiễn cao, có khả năng nhân rộng và triển khai theo hình thức xã hội hóa.

Do đó, Trạm Công dân số được đánh giá là giải pháp có tính đổi mới, tính thực tiễn và hiệu quả cao trong cải cách hành chính và chuyển đổi số. Việc triển khai bước đầu đã mang lại hiệu quả rõ rệt, đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trong giai đoạn mới.

Dựa trên nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia (VNeID), Trạm Công dân số mang đến nhiều tiện ích phục vụ đời sống. Sáu nhóm tính năng thiết yếu bao gồm: Hành chính công, An ninh an toàn, Y tế số, Tiện ích dân sinh, Tra cứu và đóng phạt nguội, Tài chính-ngân hàng. Nhờ ứng dụng công nghệ hiện đại, các dịch vụ có thể thực hiện tại trạm một cách nhanh chóng, an toàn, bảo mật và không phải di chuyển xa.

Đáng chú ý, ở nhóm hành chính công, hiện hệ thống cung cấp 201 thủ tục, trong đó tập trung vào những lĩnh vực gắn trực tiếp với đời sống như: đăng ký cư trú, cấp định danh điện tử, căn cước và một số thủ tục liên quan hộ tịch... Trong khi đó, y tế số góp phần đưa dịch vụ chăm sóc sức khỏe đến gần người dân theo hướng thiết thực và dễ tiếp cận. Trạm tích hợp các thiết bị y tế chuyên dụng, đạt tiêu chuẩn và quy trình được thiết kế đơn giản, người dân dễ dàng kiểm tra miễn phí các chỉ số sức khỏe quan trọng như: chiều cao, cân nặng, chỉ số khối cơ thể (BMI), nồng độ oxy trong máu (SpO2), huyết áp, nhịp mạch, tỷ lệ mỡ, nước và năng lượng cơ thể. Bên cạnh đó, người dùng có thể đặt lịch tiêm chủng, tư vấn sức khỏe cùng chuyên gia, trải nghiệm được phẩm số, được giao thuốc miễn phí và nhanh chóng...

Dưới sự chủ trì của Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, các giải pháp y tế tại trạm được triển khai với tiêu chuẩn hiện đại, chất lượng, bảo đảm an toàn tuyệt đối về dữ liệu.

Đại diện Long Châu, đơn vị được chọn để vận hành các tiện ích chăm sóc sức khỏe tại trạm bày tỏ niềm vinh dự khi được đồng hành đưa sáng kiến của Công an Thành phố Hồ Chí Minh vào đời sống, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ công-tư tại cơ sở, mang tiện ích số đến “gần dân, sát dân” hơn. Đây cũng là nỗ lực trong mở rộng mạng lưới chăm sóc sức khỏe, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế tiên tiến và an toàn cho mọi người, vì một Việt Nam khỏe mạnh.

Hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có 8 Trạm Công dân số. Trong thời gian tới, các đơn vị sẽ tiếp tục nhân rộng mô hình này trên địa bàn thành phố và một số địa phương trên cả nước.

Nguồn: nhandan.vn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ

Chiều ngày 19/8/2026, Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính của Bộ Nội vụ do đồng chí Phạm Minh Hùng, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính làm Trưởng đoàn đã có buổi làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 8 tháng đầu năm 2026.

Tham dự buổi làm việc có Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phạm Quang Hưng, đại diện lãnh đạo các bộ: Tài chính, Công an, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, cùng đại diện lãnh đạo các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chuyển đổi mạnh mẽ sang quản trị dựa trên dữ liệu số

Báo cáo tại buổi làm việc, đại diện Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho biết, trong 8 tháng đầu năm 2026, đơn vị đã chủ động triển khai Kế hoạch cải cách hành chính bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, gắn liền với yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Công tác hoàn thiện thể chế tiếp tục tạo dựng hành lang pháp lý đồng bộ khi Bộ đã tham mưu ban hành và ban hành theo thẩm quyền 87 văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm 16 Nghị định, 02 Nghị quyết của Chính phủ, 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 67 Thông tư. Việc triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản pháp luật ngành Giáo dục trên diện rộng đã tạo cơ sở quan trọng để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tự chủ và hội nhập quốc tế.

Song song đó, công tác cải cách thủ tục hành chính đạt nhiều tiến triển tích cực. Bộ đã rà soát, đề xuất cắt giảm 138 thủ tục, đơn giản hóa 57 thủ tục và kiến nghị sửa đổi, bổ sung 41 văn bản quy phạm pháp luật. Đặc biệt, từ ngày 01/01/2026, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ chính thức đi vào vận hành, kết nối đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điểm sáng nổi bật trong năm 2026 là sự chuyển dịch mạnh mẽ sang quản trị dựa trên dữ liệu số. Toàn ngành đã thực hiện số hóa thành công hơn 16 triệu học bạ số và trên 8,7 triệu văn bằng, chứng chỉ. Việc chia sẻ dữ liệu cư trú phục vụ ưu tiên tuyển sinh đã thay thế hoàn toàn giấy xác nhận cư trú truyền thống. Trên nền tảng đó, Bộ đề xuất tái cấu trúc 22 thủ tục hành

chính liên ngành và khai thác dữ liệu học bạ số cho 14 thủ tục nội ngành từ năm học 2026-2027. Bộ cũng đưa vào vận hành Hệ thống đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công trên môi trường số, khẳng định quyết tâm lấy người học và người dân làm trung tâm phục vụ.

Đẩy nhanh tiến độ và siết chặt kỷ cương công vụ

Tại buổi làm việc, các thành viên Đoàn kiểm tra đã trao đổi, thảo luận, góp ý các vấn đề liên quan đến tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính (Bộ Nội vụ) Phạm Minh Hùng đánh giá, công tác cải cách hành chính năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo được triển khai đồng bộ, bám sát chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ. Bộ đã ban hành các kế hoạch cải cách hành chính và kế hoạch trên các lĩnh vực liên quan kịp thời, đầy đủ nội dung, phân công trách nhiệm, sản phẩm và lộ trình thực hiện; trong đó, kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 gồm 64 nhiệm vụ.

Những kết quả của Bộ Giáo dục và Đào tạo được ghi nhận trên nhiều lĩnh vực, nhất là hoàn thiện thể chế, đơn giản hóa thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy, cải cách công vụ, tài chính công và xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Bộ cũng đã triển khai khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công và cần sớm hoàn thiện báo cáo để gửi Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Trong đánh giá kết quả cải cách hành chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tính đầy đủ cả các nhiệm vụ được giao tại các nghị quyết, chương trình hành động của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bên cạnh các nhiệm vụ trong kế hoạch cải cách hành chính; đồng thời tăng cường phối hợp giữa các đơn vị, phát huy vai trò đầu mối của Văn phòng Bộ trong tổng hợp, chia sẻ dữ liệu, tham mưu và theo dõi kết quả thực hiện.

Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính Phạm Minh Hùng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tăng tốc thực hiện các nhiệm vụ còn lại của năm 2026, nhất là hoàn thiện thể chế; sắp xếp tổ chức, các đơn vị sự nghiệp giáo dục; đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu; thực hiện các nhiệm vụ về vị trí việc làm, cải cách công vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Nâng cao chất lượng phục vụ làm thước đo cải cách

Thay mặt Lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thứ trưởng Phạm Quang Hưng nghiêm túc tiếp thu toàn bộ ý kiến góp ý của Đoàn kiểm tra.

Thứ trưởng khẳng định, ngay sau buổi làm việc, Bộ sẽ rà soát, đánh giá thực chất từng chỉ số, áp dụng triệt để tinh thần “6 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ kết quả) nhằm khắc phục triệt để các tồn tại. Bộ Giáo dục và Đào tạo quán triệt sâu sắc quan điểm mục tiêu cốt lõi của cải cách hành chính không dừng lại ở việc cải thiện điểm số hay xếp hạng, mà phải đo lường bằng sự nâng cao chất lượng phục vụ thực chất cho người dân, người học và toàn xã hội.

Phuong Nhung/Moha.gov.vn

BỘ Y TẾ: KHẨN TRƯỞNG KẾT NỐI, LÀM SẠCH DỮ LIỆU SỨC KHOẺ BÀ MẸ, TRẺ EM

Bộ Y tế vừa có văn bản gửi Giám đốc các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và các Bộ, ngành có liên quan về việc khẩn trương thực hiện kết nối, làm sạch, làm giàu dữ liệu trên Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản.

Thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (BCĐTU); Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, Bộ Y tế đã ban hành các văn bản đề nghị các Bệnh viện thực hiện liên thông dữ liệu khám chữa bệnh sức khỏe bà mẹ, trẻ em lên Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản.

Tuy nhiên, đến ngày 10/8/2026, trên Hệ thống eMCH mới ghi nhận hai đơn vị đã liên thông dữ liệu thành công là Bệnh viện Trung ương Huế (cơ sở 2) và Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

Ngày 06/7/2026 Bộ Y tế đã ban hành Kế hoạch số 1248/KH-BYT triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trong đó có Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản.

Để đảm bảo hoàn thành tiến độ cập nhật dữ liệu cơ sở dữ liệu của chiến dịch, Bộ Y tế đề nghị đồng chí Giám đốc các Bệnh viện quan tâm, chỉ đạo thực hiện một số nội dung cụ thể như sau:

Chỉ đạo các bộ phận có liên quan phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm hệ thống quản lý thông tin bệnh viện (HIS). Cập nhật phần mềm HIS, đáp ứng yêu cầu quản lý thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản theo quy định tại Quyết định số 3412/QĐ-BYT ngày 03/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định danh mục thông tin cơ bản của Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản và tài liệu đặc tả API.

Liên hệ đầu mối của Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia và Cục Bà mẹ và Trẻ em để đề nghị cấp tài khoản, mật khẩu của đơn vị trên Hệ thống eMCH, tiến hành kết nối và liên thông dữ liệu, hoàn thành liên thông trước ngày 30/8/2026.

Khắc phục kịp thời các lỗi phát sinh trong quá trình kết nối, liên thông dữ liệu. Kiểm soát chặt chẽ các trường hợp thử nghiệm liên thông dữ liệu trên phần mềm của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng hồ sơ ảo để đảm bảo dữ liệu liên thông, dữ liệu nhập trên phần mềm đáp ứng các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống” làm cơ sở thực hiện liên thông dữ liệu từ Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản đến Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia (C12), hoàn thành trước ngày 30/9/2026.

Định kỳ hàng tuần báo cáo tiến độ triển khai chiến dịch thực hiện hoạt động liên thông dữ liệu từ phần mềm HIS đến Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản. về Bộ Y tế (qua Cục Bà mẹ và Trẻ em) để theo dõi, tổng hợp, báo cáo theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương.

Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc thực hiện cập nhật, chỉnh sửa phần mềm HIS, liên thông dữ liệu lên Hệ thống đảm bảo đúng tiến độ quy định tại Kế hoạch số 1248/KH-BYT của Bộ Y tế và Kế hoạch số 70/KH-BMTE ngày 15/7/2026 của Cục Bà mẹ và Trẻ em.

Làm rõ trách nhiệm của cá nhân, đơn vị liên quan trong việc chưa kịp thời tham mưu triển khai thực hiện liên thông dữ liệu từ phần mềm HIS của đơn vị lên Hệ thống eMCH theo hướng dẫn của Bộ Y tế, dẫn đến tình trạng chậm, muộn.

Việc thực hiện liên thông, làm sạch, làm giàu dữ liệu từ phần mềm HIS lên Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản là một trong các nhiệm vụ quan trọng về chuyển đổi số y tế, được Ban Chỉ đạo Trung ương trực tiếp theo dõi, Bộ Y tế đề nghị Giám đốc các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và các quan tâm, chỉ đạo.

Nguồn: suckhoedoisong.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI: KỊP THỜI RÀ SOÁT, CHẤM CHỈNH
CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN**

Theo thông tin từ Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội, trước những phản ánh liên quan việc kết nối, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống và điều kiện phục vụ tại một số điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Giám đốc Trung tâm vừa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương kiểm tra, rà soát và có giải pháp khắc phục.

Cụ thể, trọng tâm triển khai là rà soát nhóm 20 thủ tục hành chính phát sinh nhiều phản ánh hoặc nhu cầu hỗ trợ, tập trung nhận diện các vướng mắc trong tìm kiếm thủ tục, thanh toán trực tuyến, tra cứu, tiếp nhận và luân chuyển hồ sơ.

Đối với trường hợp người dân đã nộp hồ sơ thành công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia nhưng hệ thống tại điểm phục vụ chưa tra cứu được, yêu cầu cán bộ tiếp nhận chủ động kiểm tra, phối hợp bộ phận kỹ thuật và cơ quan liên quan để xác định nguyên nhân, hỗ trợ xử lý; hạn chế tối đa việc yêu cầu người dân kê khai, cung cấp lại thông tin đã có nếu không thực sự cần thiết hoặc pháp luật không quy định.

Song song đó, Giám đốc Trung tâm chỉ đạo tăng cường kiểm tra điều kiện phục vụ tại các điểm hỗ trợ dịch vụ công số; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất xử lý những vấn đề liên quan thiết bị, đường truyền, điều kiện kỹ thuật phục vụ tiếp nhận hồ sơ.

Giám đốc Trung tâm cũng chỉ đạo nghiên cứu cơ chế phát hiện, cảnh báo sớm với những hồ sơ có dấu hiệu bất thường trong quá trình tiếp nhận, đồng bộ hoặc luân chuyển, qua đó chủ động xử lý trước khi phát sinh phản ánh kéo dài. Đồng thời, nghiên cứu bổ sung những tiêu chí phản ánh trải nghiệm người dân vào công tác theo dõi, đánh giá chất lượng phục vụ, trong đó quan tâm số lần đi lại, tình trạng phải bổ sung hoặc cung cấp lại thông tin, mức độ thuận tiện khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố khẳng định quan điểm của Trung tâm: mỗi phản ánh cụ thể không chỉ được xem xét như một trường hợp riêng lẻ mà còn là dữ liệu để rà soát quy trình, nhận diện nguy cơ, cải thiện chất lượng phục vụ trên toàn hệ thống.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: 98% HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC GIẢI QUYẾT ĐÚNG HẠN

Tại họp báo kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20/8/2026, đại diện Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh cho biết, sau hơn một năm vận hành, mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã từng bước phát huy hiệu quả, tạo chuyển biến trong cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Điểm nổi bật là tổ chức bộ máy được tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian và rút ngắn quy trình xử lý công việc. Việc phân cấp, phân quyền được thực hiện mạnh hơn, giúp nhiều nhiệm vụ được giải quyết ngay tại cơ sở, nâng cao tính chủ động của chính quyền xã, phường, đồng thời bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước được duy trì liên tục.

Hiện công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh cũng được đẩy nhanh. Công nghệ được ứng dụng trong quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục, giúp người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công thuận lợi, minh bạch hơn. Theo Sở Nội vụ, 100% thủ tục hành chính của Thành phố đủ điều kiện đã được thực hiện trực tuyến toàn trình và không phụ thuộc địa giới hành chính. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 98%, tỷ lệ hài lòng đạt 95%.

Ngoài ra, Thành phố đồng thời chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cập nhật nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ và kỹ năng số. Đây là yêu cầu quan trọng khi cấp xã được giao thêm thẩm quyền, khối lượng công việc lớn hơn sau khi tổ chức lại bộ máy. Việc sắp xếp nhân sự tiếp tục được thực hiện theo hướng đúng người, đúng việc, đúng năng lực.

Đại diện Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh cũng cho biết, trong thời gian đầu chuyển sang mô hình quản trị mới vẫn phát sinh một số khó khăn. Quá trình kiện toàn tổ chức và nhân sự ở địa phương sau sáp nhập còn vướng về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, số phòng chuyên môn; việc thành lập ban quản lý dự án và trung tâm cung ứng dịch vụ công thiết yếu. Trước những vướng mắc này, Thành phố Hồ Chí Minh đã báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương để kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ. Mặt khác, Thành phố cũng tăng cường phân công, phân cấp và ủy quyền; đề cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, bảo đảm hoạt động thống nhất từ thành phố đến cơ sở.

Theo Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh, một trong những cách làm nổi bật là tổ chức tập huấn trực tiếp theo phương châm “cầm tay chỉ việc”. Cụ thể, công chức chuyên môn của các sở, ngành được cử xuống địa phương, cùng cán bộ cấp xã xử lý những tình huống thực tế, hướng dẫn nghiệp vụ và giải quyết hồ sơ. Cách làm này giúp đội ngũ cơ sở nhanh chóng tiếp cận nhiệm vụ mới, hạn chế sai sót trong giai đoạn đầu chuyển đổi.

Cách làm thứ hai là Thành phố còn thành lập ba tổ công tác chỉ đạo theo khu vực nhằm tăng cường cơ chế điều hành trực tiếp từ lãnh đạo Thành phố đến cơ sở. Các tổ thường xuyên làm việc với xã, phường, sở, ngành để tháo gỡ vướng mắc liên quan đến đầu tư công, quy hoạch, giải phóng mặt bằng, thủ tục xây dựng, quản lý đất đai và điều phối liên ngành.

Thứ ba là việc triển khai mô hình biệt phái, tăng cường công chức từ sở, ngành về cơ sở cũng được triển khai để bổ sung nhân lực có chuyên môn sâu trong các lĩnh vực xây dựng, đất đai, quy hoạch, tài chính, công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Cán bộ biệt phái không chỉ hỗ trợ chuyên môn mà còn trực tiếp tham gia xử lý hồ sơ, hướng dẫn nghiệp vụ và phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương.

Theo Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh, ba mô hình trên đã giúp rút ngắn khoảng cách giữa chỉ đạo với thực tiễn, nâng cao năng lực thực thi công vụ, tăng tính chủ động của chính quyền cấp xã. Vì vậy, sắp tới, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo tinh thần “sáu rõ”, gồm: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm và rõ thẩm quyền.

Ngoài ra, Thành phố cũng rà soát chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác giữa cấp thành phố với cơ sở, bảo đảm không chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ. Đối với vai trò lãnh đạo, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục phân cấp, ủy quyền cho cán bộ cơ sở nhưng phải gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Thành phố sẽ tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp đặc thù của một siêu đô thị và đáp ứng tốt hơn yêu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: baotintuc.vn

SƠN LA: 100 NGÀY HÀNH ĐỘNG, THÁO GỠ ĐIỂM NGHẼN CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thực hiện kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số, tỉnh Sơn La đang tập trung rà soát từng nhiệm vụ, nhận diện rõ khó khăn, vướng mắc và đề ra giải pháp cụ thể. Với phương châm “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm, rõ kết quả, nhiều nhiệm vụ đã chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tập trung triển khai tạo chuyển biến từ cơ sở

Triển khai Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW ngày 11/7/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thực hiện kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện từ ngày 10/7/2026 đến hết ngày 30/11/2026.

Mục tiêu của đợt cao điểm là xử lý dứt điểm các điểm nghẽn, tháo gỡ khó khăn trong triển khai khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo chuyển biến thực chất trong nhận thức, hành động và kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị. Kết quả đầu ra, tiến độ và hiệu quả khai thác thực tế được lấy làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Công an tỉnh là cơ quan Thường trực, chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu triển khai kế hoạch hành động 100 ngày; đồng thời, theo dõi,

kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Đề án 06, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đại tá Nguyễn Tuấn Anh, Trưởng phòng Tham mưu, Công an tỉnh, cho biết: Đợt cao điểm lần này, không chỉ giao nhiệm vụ mà theo dõi tiến độ thường xuyên. Những nhiệm vụ có nguy cơ chậm, được nhận diện sớm để đôn đốc, tháo gỡ kịp thời; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

Trong 100 ngày, tỉnh tập trung triển khai 8 nhóm nhiệm vụ trọng tâm, gồm: Hạ tầng số; nền tảng số; dịch vụ công trực tuyến; kinh tế số; xã hội số; nguồn nhân lực; tài chính, giải ngân; kỷ luật thực thi. Đến ngày 19/8, trong lĩnh vực hạ tầng số, 100% trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập có điện lưới được duy trì nguồn điện ổn định; 100% Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan, đơn vị được kết nối Internet băng rộng cáp quang và mạng truyền số liệu chuyên dùng. Kết quả rà soát cũng cho thấy 74/75 trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường bảo đảm vùng phủ sóng băng rộng di động, đáp ứng yêu cầu khai thác các hệ thống dùng chung và dịch vụ công trực tuyến. Đối với điểm còn hạn chế tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, Viễn thông Sơn La điều chuyển một sector 3G/4G, tăng cường vùng phủ sóng và hoàn thành đầu tháng 8 vừa qua.

Ông Phạm Quốc Chinh, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, thông tin: Qua rà soát, một số thôn, bản vùng sâu, vùng xa còn điểm trắng, lõm sóng do địa hình phức tạp, dân cư phân tán. Sở đang tổng hợp danh mục các khu vực để tham mưu tỉnh, đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ đầu tư thuộc chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, từng bước phủ sóng toàn diện.

Trong lĩnh vực dịch vụ công, các xã, phường đang tăng cường hỗ trợ người dân tự thực hiện hồ sơ trực tuyến. Cùng với đó, Sở Tư pháp ban hành công văn đề nghị các cơ quan, đơn vị rà soát, lựa chọn những thủ tục phát sinh nhiều, liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp để nghiên cứu tái cấu trúc quy trình trên môi trường điện tử.

Ở lĩnh vực kinh tế số, Sở Công Thương tổ chức 4 hội nghị tập huấn thương mại điện tử cho hơn 400 học viên; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đưa sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh lên các sàn thương mại điện tử. Đến nay, hơn 100 sản phẩm nông sản, đặc sản của Sơn La đã được đưa lên sàn Nông sản Bưu điện.

Trong phát triển nguồn nhân lực số, Sở Nội vụ đã phê duyệt 175 vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin; các cơ quan, đơn vị bố trí 144 vị trí. Đồng thời, 19 người làm công tác chuyên trách chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định.

Cùng với đó, tỉnh tiếp tục hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đến nay, Sơn La hoàn thành cập nhật 33 bảng dữ liệu thuộc 11 dữ liệu/cơ sở dữ liệu của Sở Khoa học và Công nghệ lên Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; đồng bộ 100% dữ liệu của 32.305 cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối chính quyền vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Qua chiến dịch làm sạch dữ liệu, đến ngày 31/7/2026, toàn tỉnh có 1.340.037 thửa đất trên hệ thống VBDLIS; trong đó 1.074.172 thửa, chiếm 80,2%, đã được làm giàu, làm sạch đạt Nhóm 1, vượt chỉ tiêu được giao.

Nâng cao trách nhiệm, đẩy nhanh tiến độ

Thắng thắn nhận diện những điểm nghẽn để tập trung tháo gỡ, khó khăn về hạ tầng số, cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ nguồn nhân lực số và việc chuẩn hóa dữ liệu trên bảng điều hành. Đến ngày 19/8/2026, với công tác cải cách thủ tục hành chính, nhiều đơn vị mới dừng ở việc lựa chọn thủ tục và kết nối cơ sở dữ liệu, chưa lượng hóa rõ số giấy tờ, thao tác và thời gian thực tế cắt giảm. Việc cập nhật dữ liệu trên bảng điều hành ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm; có nhiệm vụ đã có sản phẩm nhưng chưa cập nhật minh chứng.

Cách làm quyết liệt, lấy kết quả thực chất làm thước đo, Sơn La từng bước tháo gỡ những điểm nghẽn về chuyển đổi số. Khi từng nhiệm vụ được theo dõi sát sao, từng khó khăn được xử lý kịp thời và trách nhiệm của người đứng đầu được đề cao, kỳ vọng góp phần xử lý hiệu quả các điểm nghẽn về hạ tầng, quy trình và tổ chức thực hiện chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: baosonla.vn

CAO BẰNG: ƯU TIÊN THÁO GỠ ĐIỂM NGHẼN ĐẤT ĐAI, TẠO CHUYỂN BIẾN THỰC CHẤT TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Sáng ngày 21/8/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ cải cách hành chính năm 2026. Đồng chí Lê Hải Hòa, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự và chỉ đạo hội nghị.

Hội nghị do đồng chí Phạm Minh Hùng, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ trực tiếp truyền đạt chuyên đề. Tham dự có hơn 180 đại biểu là lãnh đạo, chuyên viên phụ trách công tác cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thành viên tổ công tác cải cách hành chính và kiểm tra việc thực hiện công vụ tỉnh; đại diện lãnh đạo, công chức tham mưu công tác cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Năm 2025, chỉ số cải cách hành chính của tỉnh đạt 82,73 điểm, xếp thứ 34/34 tỉnh, thành phố. Trong đó, chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt 78,87%, xếp thứ 32/34; công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính đạt 8,95 điểm, xếp thứ 27/34; cải cách thể chế đạt 7,74 điểm, xếp thứ 31/34; cải cách thủ tục hành chính đạt 11,47 điểm, xếp thứ 29/34; cải cách tổ chức bộ máy hành chính đạt 9,28 điểm, xếp thứ 33/34; cải cách chế độ công vụ đạt 11,14 điểm, xếp thứ 34/34; cải cách tài chính công đạt 10,84 điểm, xếp thứ 18/34; chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước đạt 11,55 điểm, xếp thứ 34/34. Năm 2026, tỉnh phấn đấu nâng tổng điểm cải cách hành chính lên 90,74/100 điểm, tăng 8,01 điểm so với năm 2025.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Hải Hòa đề nghị: Các sở, ngành, địa phương phải nhìn thẳng vào những hạn chế qua các chỉ số đánh giá, nhất là những lĩnh vực còn ở nhóm thấp; từ đó xác định rõ điểm yếu, nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp khắc phục, trong đó xác định

đất đai là một trong những điểm nghẽn lớn nhất cần ưu tiên xử lý. Đồng chí yêu cầu chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương công vụ; nâng cao tinh thần trách nhiệm, khả năng phối hợp của đội ngũ cán bộ, công chức; tập trung xử lý những điểm nghẽn về đất đai, thủ tục hành chính, chuyển đổi số và hỗ trợ doanh nghiệp. Đặc biệt, cải cách hành chính phải được đo bằng hiệu quả thực tế, giảm thời gian, chi phí và số lần người dân, doanh nghiệp phải đi lại, đồng thời giải phóng các nguồn lực đang bị ách tắc để đưa vào sản xuất, kinh doanh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch hành động cụ thể sau hội nghị; xác định rõ nhiệm vụ, thời gian, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả cải cách hành chính. Đồng chí khẳng định, cải cách hành chính không chỉ nhằm nâng cao thứ hạng các bộ chỉ số mà quan trọng hơn là giải phóng nguồn lực, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tại Hội nghị, các đại biểu được giới thiệu nội dung cải cách hành chính trọng tâm của Chính phủ giai đoạn 2026 - 2030; hướng dẫn chi tiết nghiệp vụ tự đánh giá, chấm điểm và lập tài liệu kiểm chứng phục vụ xác định chỉ số PAR Index; phân tích, đánh giá chuyên sâu kết quả các chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Cao Bằng; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp đột phá nhằm cải thiện và nâng cao thứ hạng các chỉ số.

Qua hội nghị, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính được cập nhật kiến thức, phương pháp đánh giá các chỉ số; qua đó nâng cao chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện, góp phần cải thiện chỉ số cải cách hành chính và mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Nguồn: baocaobang.vn

THÁI NGUYÊN: “LUỒNG XANH” TẠO ĐÀ ĐỀ DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN

Được triển khai từ cuối năm 2025, cơ chế “Luồng xanh” của Thái Nguyên được xem là bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính. Với hai hình thức “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%”, cơ chế này góp phần rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, tháo gỡ những “điểm nghẽn”, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, qua đó tạo động lực thúc đẩy khu vực doanh nghiệp tư nhân phát triển.

Đột phá trong cải cách thủ tục hành chính

Cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%” được triển khai nhằm ưu tiên giải quyết thủ tục hành chính phục vụ các dự án đầu tư, nhiệm vụ trọng điểm, cấp bách và những hồ sơ đáp ứng điều kiện theo quy định. Theo đó, “Luồng xanh 24 giờ” yêu cầu các cơ quan, đơn vị hoàn thành việc xử lý thủ tục hành chính trong thời gian nhanh nhất, trong vòng 24 giờ hoặc rút ngắn siêu tốc đối với nhóm hồ sơ đặc biệt ưu tiên, dự án trọng điểm. “Luồng xanh 60%”

thực hiện cắt giảm ít nhất 60% thời gian giải quyết so với quy định thông thường đối với hàng chục thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng và năng lượng.

Ngày 20/1/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế “Luồng xanh”, gồm 73 thủ tục hành chính cấp tỉnh và 8 thủ tục hành chính cấp xã, tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị triển khai thống nhất trong toàn tỉnh. Tiếp đó, ngày 20/4/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 4146/UBND-TTPVHCC về việc bổ sung thực hiện cơ chế “Luồng xanh 60%” đối với các dự án điện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở rà soát các thủ tục hành chính thường xuyên phát sinh, có tác động trực tiếp đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, ngày 7/5/2026, Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%” trên địa bàn tỉnh, thay thế Văn bản số 647/UBND-TTPVHCC ngày 20/1/2026. Theo đó, danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế “Luồng xanh” được bổ sung 21 thủ tục, gồm 17 thủ tục hành chính cấp tỉnh, trong đó có 8 thủ tục thuộc cơ chế “Luồng xanh 24 giờ”, 9 thủ tục thuộc cơ chế “Luồng xanh 60%” và 4 thủ tục hành chính cấp xã thuộc cơ chế “Luồng xanh 60%”.

Ông Lê Kim Phúc, Giám đốc Sở Tài chính, khẳng định: Việc triển khai cơ chế “Luồng xanh” hướng tới mục tiêu rút ngắn tối thiểu 60% thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định, đồng thời nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị. Cơ chế này cũng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tiếp nhận, theo dõi và giải quyết hồ sơ; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Việc triển khai cơ chế này góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân từ 10,5%/năm trở lên trong giai đoạn 2025 - 2030.

Để bảo đảm yêu cầu về tiến độ, các cơ quan, đơn vị đã ưu tiên nguồn lực, tăng cường phối hợp liên thông giữa các phòng, ban chuyên môn; chủ động rà soát, đơn giản hóa quy trình nội bộ, bảo đảm rút ngắn tối thiểu 60% thời gian giải quyết đối với các thủ tục hành chính thuộc diện áp dụng cơ chế “Luồng xanh”.

Nhiều hồ sơ liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, quy hoạch, đấu thầu, đấu giá đất, giải ngân dự án và cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài được giải quyết nhanh hơn so với quy định, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

Cùng với quá trình giải quyết hồ sơ, công tác theo dõi, giám sát được duy trì thường xuyên. Hằng tuần, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo tình hình triển khai, kết quả tiếp nhận, giải quyết hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trên cơ sở đó, Trung tâm cập nhật, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế “Luồng xanh” trên địa bàn.

Kết quả bước đầu cho thấy, trong 6 tháng đầu năm nay, các sở, ngành đã tiếp nhận 331 hồ sơ thực hiện theo cơ chế “Luồng xanh”. Các hồ sơ chủ yếu tập trung ở những lĩnh vực tác động

trực tiếp đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và phát triển kết cấu hạ tầng. Ở cấp xã, đã tiếp nhận 1.576 hồ sơ thực hiện theo cơ chế này, chủ yếu thuộc lĩnh vực cấp giấy phép xây dựng và đất đai.

Ông Đặng Quang Ngọc, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phan Đình Phùng, cho rằng: Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo cơ chế “Luồng xanh” tại cấp xã, phường từng bước đi vào nền nếp, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, giảm thời gian đi lại, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

Tạo dựng niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp

Sau một thời gian triển khai, cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%” bước đầu phát huy hiệu quả, tạo chuyển biến tích cực trong cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh. Từ việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, cơ chế này từng bước tạo ra phương thức giải quyết công việc chủ động, phối hợp và hướng tới kết quả cụ thể.

Công tác chỉ đạo, điều hành và phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính được tăng cường; từng bước hình thành quy trình xử lý hồ sơ ưu tiên đối với các dự án trọng điểm, dự án đầu tư và nhiệm vụ cấp bách của tỉnh. Quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ được rà soát, hoàn thiện theo hướng tinh gọn; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong theo dõi, giám sát tiến độ giải quyết hồ sơ được đẩy mạnh, qua đó góp phần rút ngắn thời gian xử lý, hạn chế tình trạng chậm, quá hạn.

Cùng với đó, các cơ quan, đơn vị chủ động rà soát quy trình nội bộ, bố trí cán bộ đầu mối theo dõi hồ sơ “Luồng xanh”. Qua triển khai cơ chế này, ý thức trách nhiệm, tinh thần chủ động và chất lượng thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được nâng lên; từng bước hình thành phương thức xử lý công việc theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn và rõ kết quả, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính trong giai đoạn mới.

Việc công khai danh mục thủ tục hành chính, sử dụng thống nhất dấu nhận diện và thực hiện quy trình ưu tiên cũng góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, qua đó cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh. Đây là cơ sở để củng cố niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư đối với chính quyền địa phương, nâng cao hình ảnh Thái Nguyên là địa phương chủ động đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp.

Minh chứng rõ nét là từ đầu năm đến nay, Thái Nguyên tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, thu hút nhiều dự án đầu tư mới và dự án điều chỉnh tăng vốn, trong đó có nhiều dự án của doanh nghiệp tư nhân. Lũy kế 6 tháng đầu năm nay, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh ước đạt 36.700 tỷ đồng, tăng 11,9% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn đầu tư của khu vực kinh tế trong nước ước đạt 25.100 tỷ đồng, chiếm 68,4% tổng vốn đầu tư của tỉnh, tăng 19,1% so với cùng kỳ; vốn của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt hơn 11.600 tỷ đồng, chiếm 31,59%, giảm 0,9% so với cùng kỳ.

Đến ngày 31/7/2026, toàn tỉnh có 1.244 doanh nghiệp thành lập mới, với tổng số vốn đăng ký trên 15.307 tỷ đồng. Ngoài ra, có 355 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động sau thời gian tạm ngừng. Tổng số doanh nghiệp trong toàn tỉnh hiện có là 15.688 doanh nghiệp với tổng số vốn

đăng ký là 211.446 tỷ đồng. Điều này cho thấy quy mô của các doanh nghiệp mới thành lập trong 6 tháng đầu năm 2026 lớn hơn cùng kỳ năm trước.

Từ kết quả cải cách thủ tục hành chính, cơ chế “Luồng xanh” cũng góp phần tháo gỡ kịp thời các “điểm nghẽn” đối với nhiều dự án đầu tư, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, hạ tầng, năng lượng và phát triển khu công nghiệp. Khi thời gian hoàn thiện thủ tục được rút ngắn, doanh nghiệp có thêm điều kiện đẩy nhanh tiến độ triển khai, giải ngân và đưa dự án vào hoạt động.

Nguồn: baothainguyen.vn

BẮC NINH: LẮNG NGHE NHÂN DÂN, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN PHỤC VỤ TỐT HƠN

Những ngày này, tại Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc các xã, phường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, không khí làm việc khẩn trương, nhen níp. Sự thay đổi không chỉ nằm ở cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại mà quan trọng hơn là sự chuyển biến trong nhận thức, phương thức làm việc từ tư duy “quản lý hành chính” sang tư duy “phục vụ Nhân dân”.

Để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng chính quyền vì dân phục vụ, tỉnh Bắc Ninh xác định cải cách hành chính và chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm. Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và cấp xã, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc như bàn ghế, điều hòa, hệ thống điện, nước, mạng Internet và các điều kiện hỗ trợ khác được bố trí tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu làm việc không chỉ của cán bộ, công chức, viên chức mà còn phục vụ chu đáo người dân, tổ chức đến giao dịch. Các quy trình được chuẩn hóa trên môi trường điện tử; hệ thống lấy số tự động, màn hình tra cứu, khu vực hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến từng bước nâng cao chất lượng phục vụ.

Đồng chí Nguyễn Quốc Hùng, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Tân Tiến chia sẻ: “Khối lượng công việc hiện nay lớn hơn và đòi hỏi khắt khe hơn rất nhiều. Ngoài kiến thức chuyên môn, chúng tôi phải thành thạo công nghệ thông tin, các phần mềm quản lý để hướng dẫn bà con thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng. Áp lực có nhưng khi thấy mình giải quyết xong một bộ hồ sơ, người dân vui vẻ ra về, chúng tôi cũng hài lòng”.

Không chỉ người dân, cộng đồng doanh nghiệp cũng cảm nhận rõ những chuyển biến tích cực. Tỉnh đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung tháo gỡ khó khăn, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Đơn cử như cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp mặt bằng nay giảm chỉ còn khoảng 30% thủ tục so với trước. Các thủ tục liên quan đến chủ trương đầu tư, giao đất, đánh giá tác động môi trường được đơn giản hóa, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và thúc đẩy triển khai các dự án.

Hơn 1 năm qua, tỉnh đã cấp mới hàng chục giấy phép khai thác mỏ đất với trữ lượng hàng triệu mét khối, đáp ứng khoảng 65% nhu cầu vật liệu san lấp, trong đó có dự án khai thác gần 6,3 triệu m³ đất phục vụ dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình. Những kết quả này thể hiện

quyết tâm xây dựng chính quyền kiến tạo, phục vụ người dân và doanh nghiệp, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, giúp doanh nghiệp yên tâm sản xuất, kinh doanh.

Tạo sự đồng thuận

Một bài học lớn từ Cách mạng Tháng Tám là sức mạnh của sự gắn bó máu thịt giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Thẩm nhuần tư tưởng ấy, các cấp ủy, chính quyền trong tỉnh xác định việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp phải bắt đầu từ lắng nghe, thấu hiểu và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Với tinh thần gần dân, trọng dân, thường trực đảng ủy các xã, phường thường xuyên tổ chức tiếp xúc, đối thoại, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của bà con; chỉ đạo giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền.

Tại phường Bắc Giang, các buổi tiếp xúc cử tri, đối thoại tháo gỡ khó khăn về giải phóng mặt bằng, trật tự đô thị, bố trí tái định cư luôn diễn ra trong không khí thẳng thắn, cởi mở và xây dựng.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố và kiện toàn tổ chức ở khu dân cư trước ngày 01/7/2026, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh đã công bố quyết định thành lập tổ chức, kiện toàn chức danh tại các chi hội, chi đoàn, các thôn, tổ dân phố mới theo hướng công khai, dân chủ, đúng quy định. Việc lựa chọn đội ngũ cán bộ có uy tín, trách nhiệm nhận được sự ghi nhận của Nhân dân, góp phần tạo sự thống nhất trong cộng đồng. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đang chuyển mạnh từ tư duy “chờ dân phản ánh” sang “chủ động lắng nghe”, duy trì các cuộc đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân.

Nguồn: baobacninh.tv.vn

NINH BÌNH: ĐẠT MỤC TIÊU 99% DÂN SỐ ĐƯỢC PHỦ SÓNG 5G VÀO NĂM 2030

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch 288/KH-UBND ngày 20/8/2026 về Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030, với mục tiêu xây dựng hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn, đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Kế hoạch nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng hạ tầng số theo các nghị quyết, quyết định của Trung ương và định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh Ninh Bình. Trong đó xác định hạ tầng số sẽ trở thành nền tảng phục vụ xây dựng chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh.

Theo yêu cầu của Kế hoạch, hạ tầng số phải được ưu tiên đầu tư, hiện đại hóa và “đi trước một bước”, đồng bộ với quy hoạch tỉnh và các hạ tầng kỹ thuật khác như giao thông, điện, chiếu sáng, công trình ngầm.

Quá trình phát triển phải bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ, có lộ trình cụ thể; ưu tiên khai thác các hạ tầng dùng chung cấp quốc gia, ứng dụng công nghệ mới, đồng thời thực hiện nguyên tắc dùng chung, chia sẻ, tối ưu hạ tầng hiện có và khuyến khích xã hội hóa nguồn lực đầu tư.

Về các chỉ tiêu cụ thể, trong năm 2026, Ninh Bình phấn đấu 90% dân số trưởng thành sử dụng điện thoại thông minh; 100% hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang; 70% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ từ 1Gb/s trở lên; 70% dân số được phủ sóng mạng băng rộng di động 5G đạt tốc độ tối thiểu 100Mb/s. Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử đạt trên 50%.

Đến năm 2030, tỉnh đặt mục tiêu 100% dân số trưởng thành sử dụng điện thoại thông minh; 100% hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang; 100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ từ 1Gb/s trở lên. Đồng thời, 99% dân số được phủ sóng mạng băng rộng di động 5G đạt tốc độ tối thiểu 100Mb/s; trên 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử. Ninh Bình cũng hướng tới xây dựng năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G tại khu công nghiệp và khu đô thị.

Để hiện thực hóa các mục tiêu này, tỉnh sẽ tập trung phát triển hạ tầng viễn thông và Internet, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng vật lý số, hạ tầng số công cộng và công nghệ số.

Trong đó, mạng cáp quang tiếp tục được đầu tư đến hộ gia đình, cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp; mạng 4G được mở rộng, tối ưu để bảo đảm 100% dân số và 100% thôn, khu dân cư, vùng sâu, vùng xa được phủ sóng ổn định. Mạng 5G được ưu tiên tại cơ quan nhà nước, cơ sở giáo dục, y tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị và nơi đông dân cư.

Kế hoạch cũng xác định xây dựng, triển khai nền tảng IoT dùng chung toàn tỉnh; thúc đẩy ứng dụng IoT trong đô thị thông minh, du lịch, giao thông, năng lượng, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp và logistics; triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh của tỉnh; phát triển các nền tảng số dùng chung, dịch vụ công trực tuyến toàn trình và các dịch vụ số thiết yếu theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Việc triển khai Kế hoạch được kỳ vọng tạo nền tảng hạ tầng số đồng bộ, hiện đại và có khả năng mở rộng, qua đó nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2026 - 2030.

Nguồn: baoninhbinh.org.vn

KHÁNH HÒA: TẠO MẠNG LƯỚI CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC LÀM ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN MỚI

Khánh Hòa đang phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, cực tăng trưởng của khu vực. Nhằm tạo động lực phát triển mới, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã xây dựng đề án hình thành mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế.

Đây là bước đi quan trọng nhằm tập hợp nguồn lực trí tuệ, tạo nền tảng cho những đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tỉnh Khánh Hòa đang triển khai nhiều nhiệm vụ lớn như: Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; xây dựng các nền tảng dữ liệu dùng chung; phát triển công nghệ biển, sản phẩm công nghệ chiến lược; hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; thu hút nhân lực chất lượng cao; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng. Điều này đòi hỏi địa phương phải có một mạng lưới chuyên gia đủ mạnh, đa ngành để hỗ trợ ở cả 4 khâu: Tư vấn chính sách, giải quyết bài toán phát triển, đào tạo nguồn nhân lực và kết nối hợp tác.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa đặt mục tiêu thu hút tối thiểu 300 chuyên gia, nhà khoa học tham gia mạng lưới. Cụ thể, khoảng 20-30 chuyên gia tư vấn chiến lược phục vụ tham mưu các chương trình, đề án trọng điểm và Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của tỉnh; từ 50-100 chuyên gia, nhà khoa học có uy tín trong nước; từ 10-30 chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế; số còn lại là chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân công nghệ...

Nhà khoa học tham gia mạng lưới được chia thành 2 nhóm. Nhóm 1 là chuyên gia tư vấn chiến lược thuộc diện tham mưu cho Ban Chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW của tỉnh. Nhóm 2 là cán bộ nghiên cứu, giảng viên của các trường đại học, học viện; chuyên gia đang công tác tại doanh nghiệp và các đối tượng có chuyên môn phù hợp.

Khánh Hòa hình thành tối thiểu 10 nhóm chuyên gia gắn với các lĩnh vực ưu tiên và sản phẩm chiến lược giai đoạn 2025-2030 gồm: Khoa học biển, công nghệ biển, kinh tế biển; chuyển đổi số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; công nghệ sinh học, y tế; du lịch thông minh, văn hóa số; nông nghiệp công nghệ cao, ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; năng lượng tái tạo, năng lượng hạt nhân; logistics, cảng biển; khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; quy hoạch phát triển, quản trị công.

Theo ông Nguyễn Thanh Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa, địa phương vận động đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là người Khánh Hòa đang sinh sống, học tập và làm việc ở nước ngoài, tham gia đóng góp cho sự phát triển của quê hương.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa phối hợp với Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam nhằm kết nối với đội ngũ chuyên gia, trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế. Cùng với đó, địa phương triển khai các chính sách thu hút, phát triển nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh điều tra, thu thập dữ liệu của khoảng 1.100 cán bộ, chuyên gia, kết nối với 40 tổ chức, đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, bước đầu hình thành mối liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học lớn như: Viện Hải dương học, Viện Vắc-xin và Sinh phẩm Y tế, Trường Đại học Nha Trang...

Cùng với đó, địa phương đã huy động được gần 20 chuyên gia từ các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan quản lý và doanh nghiệp trong tỉnh tham gia khảo sát, tư vấn và cung cấp thông tin chuyên môn.

Tuy nhiên, hạn chế mang tính hệ thống vẫn hiện rõ ở các chỉ số “đầu ra/lan tỏa.” Cụ thể như: tỷ lệ doanh nghiệp/dự án khởi nghiệp sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp mới thành lập, đơn đăng ký nhãn hiệu/1.000 doanh nghiệp, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và chi ngân sách địa phương cho khoa học công nghệ/GRDP còn chưa cao.

Đề xuất mô hình quản trị nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tỉnh Khánh Hòa, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Bá Chiến cho rằng nên được thiết kế theo cấu trúc “một trung tâm điều phối, các trụ cột vận hành, mạng lưới thực thi xã hội,” nhằm rút ngắn khoảng cách từ mục tiêu đến kết quả. Ở trung tâm là Hội đồng/Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn chuyển đổi số do lãnh đạo Ủy ban Nhân dân tỉnh đứng đầu, bảo đảm thống nhất chỉ đạo liên ngành và xử lý kịp thời các “nút thắt” về thể chế.

Nguồn: vietnamplus.vn

LÂM ĐỒNG: SỐ HÓA CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Lâm Đồng triển khai việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức bằng kết quả, sản phẩm cụ thể. Qua đó, tạo những chuyển biến rõ rệt, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, lấy hiệu quả công việc làm thước đo, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy sau sắp xếp.

Đánh giá cán bộ, công chức bằng dữ liệu

Công tác cán bộ được xác định là “then chốt của then chốt”, đội ngũ cán bộ, đảng viên là nhân tố quyết định quá trình xây dựng và phát triển đất nước, trong đó, đánh giá cán bộ có ý nghĩa quan trọng. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu phải có tiêu chí rõ ràng, cụ thể để đánh giá hiệu quả công việc, đó chính là sản phẩm đầu ra, kết quả hoạt động, công tác của từng cán bộ. Đây là bước chuyển quan trọng nhằm khắc phục đánh giá định tính, sang đánh giá bằng kết quả, sản phẩm cụ thể trong đánh giá cán bộ.

Đưa nghị quyết vào cuộc sống, nhiều cấp ủy, địa phương trong tỉnh đã triển khai áp dụng hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) nhằm đổi mới phương thức quản trị, đo lường hiệu suất công vụ và đánh giá cán bộ theo hướng công khai, minh bạch, thực chất. Từ tháng 5/2026, Đảng ủy xã Đa Tềh đã triển khai phần mềm hệ thống quản lý và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPIDU). Với kiến trúc kỹ thuật hiện đại, vận hành ổn định, phân quyền chặt chẽ đến từng vai trò và khả năng mở rộng linh hoạt, KPIDU không chỉ là phần mềm quản lý công việc, mà là bước chuyển căn bản từ “đánh giá bằng cảm nhận” sang “đánh giá bằng dữ liệu”, theo đúng tinh thần chuyển đổi số gắn với đổi mới công tác cán bộ trong giai đoạn hiện nay.

Là người được giao thực hiện xây dựng phần mềm KPIDU, anh Nguyễn Bích Ngọc, chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội xã Đa Tềh cho hay, hệ thống quản lý và đánh giá kết quả thực

hiện nhiệm vụ là nền tảng số hóa toàn diện công tác quản lý, điều hành và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, được xây dựng nhằm cụ thể hóa chủ trương chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước và đổi mới phương thức đánh giá cán bộ theo hướng định lượng, khách quan, minh bạch, lấy sản phẩm công việc làm thước đo.

Hệ thống thay thế hoàn toàn phương thức giao việc, theo dõi, báo cáo thủ công bằng quy trình khép kín trên môi trường số: từ đăng ký danh mục sản phẩm công việc cá nhân, đến giao việc - nhận việc - thực hiện - nộp minh chứng - phê duyệt trực tuyến, tất cả diễn ra theo thời gian thực, mọi thao tác đều được ghi vết đầy đủ.

Lãnh đạo cơ quan có thể theo dõi tiến độ công việc của từng đơn vị, từng cá nhân qua bảng điều khiển trực quan (dashboard), nhận cảnh báo sớm nhiệm vụ sắp đến hạn, quá hạn; văn bản minh chứng được lưu trữ tập trung, an toàn, tra cứu tức thì. Hệ thống còn tích hợp các phân hệ lịch công tác, họp và biểu quyết trực tuyến, báo cáo tự động xuất Excel/PDF, giúp giảm mạnh giấy tờ, rút ngắn thời gian tổng hợp báo cáo từ nhiều ngày xuống còn vài phút.

Tạo chuyển biến thực chất

Nhằm cụ thể hóa các quy định của Trung ương về công tác đánh giá cán bộ, công chức, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND quy định về theo dõi, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức, cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh. Quy định mới nhằm đổi mới phương pháp đánh giá theo hướng thực chất, khách quan, minh bạch, gắn kết quả đánh giá với hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và chất lượng phục vụ Nhân dân.

Trong đó, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức được đánh giá dựa trên 3 yếu tố cơ bản gồm: số lượng, chất lượng và tiến độ hoàn thành sản phẩm, công việc được giao. Việc đánh giá được thực hiện định kỳ theo quý, làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại cuối năm, góp phần nâng cao trách nhiệm cá nhân, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và hiệu quả thực thi công vụ.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về đổi mới công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, Ủy ban nhân dân phường Cam Ly - Đà Lạt đã ban hành Quyết định số 794/QĐ-UBND về Danh mục sản phẩm công việc, đơn vị sản phẩm công việc chuẩn và danh mục sản phẩm công việc quy đổi.

Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cam Ly - Đà Lạt Nguyễn Thừa Đoàn, khác với phương thức đánh giá truyền thống còn nặng về nhận xét định tính, việc xây dựng danh mục sản phẩm công việc chuẩn hướng đến đánh giá cán bộ, công chức bằng kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ. Mỗi vị trí việc làm đều được xác định rõ sản phẩm phải hoàn thành, tiêu chuẩn chất lượng, đơn vị tính và sản phẩm quy đổi. Qua đó, bảo đảm việc giao việc, kiểm soát tiến độ và đánh giá kết quả được thực hiện trên cơ sở minh bạch, khách quan và có thể kiểm chứng.

Việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức bằng kết quả, sản phẩm cụ thể góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ Nhân dân.

Nguồn: baolamdong.vn

ĐỒNG THÁP: ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO “BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ” GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp vừa ban hành Kế hoạch số 1252/KH-UBND về việc triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tiếp tục đẩy mạnh Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030. Phong trào hướng tới mục tiêu nâng cao dân trí số, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản cho toàn dân và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện từ cấp cơ sở.

Việc triển khai Phong trào được lồng ghép chặt chẽ với nhiệm vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, cải cách hành chính và Đề án 06. Trong đó, tập trung nâng cao kỹ năng sử dụng các dịch vụ số thiết yếu như: Dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt, sức khỏe điện tử, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cơ bản và các kỹ năng an toàn thông tin, phòng chống lừa đảo trên không gian mạng.

Theo kế hoạch, Đồng Tháp phấn đấu hoàn thành nhiều mục tiêu quan trọng trong năm 2026, làm nền tảng cho giai đoạn 2027 - 2030: 100% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý đạt chuẩn khung kỹ năng số theo quy định; 100% học sinh tiểu học, trung học cơ sở được trang bị kiến thức, kỹ năng số và an toàn trên môi trường số; 100% người dân trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số và sử dụng tốt thiết bị thông minh; phấn đấu 80% người dân trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập kỹ năng số trên nền tảng VNeID;...

Để phong trào đi vào thực chất, tỉnh chú trọng phát huy vai trò xung kích của đội hình “Bình dân học vụ số” phối hợp cùng Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, ấp, khu phố để “cầm tay chỉ việc”, hướng dẫn trực tiếp cho từng người dân. Đặc biệt, Kế hoạch nhấn mạnh phương châm “Không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số”, trong đó dành sự quan tâm, hỗ trợ đặc biệt cho người cao tuổi, người khuyết tật, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người dân vùng xa.

Nguồn: baodongthap.vn

TÂY NINH: XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG KHÔNG TIỀN MẶT

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, thanh toán không dùng tiền mặt là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở, là xu thế tất yếu và giải pháp quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu chuyển đổi số, Đề án 06, xây dựng Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số.

Tỉnh Tây Ninh yêu cầu chuyển trọng tâm từ việc “tăng số lượng tài khoản mở mới” sang tăng tần suất, giá trị giao dịch thực tế và duy trì tính bền vững của các mô hình thanh toán không dùng tiền mặt.

Trong lĩnh vực y tế, Sở Y tế tiếp tục chỉ đạo các cơ sở khám, chữa bệnh đẩy mạnh thanh toán viện phí không dùng tiền mặt ngay từ khâu tiếp đón, thu phí đến thanh toán khi ra viện. Đồng thời, phối hợp với các ngân hàng và đơn vị cung cấp phần mềm hoàn thiện kết nối, hạn chế tình trạng gián đoạn hoặc chậm xác nhận giao dịch.

Đối với các nhóm đối tượng hưởng chính sách, Sở Nội vụ, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp với các ngân hàng rà soát những trường hợp chưa có tài khoản hoặc chưa nhận tiền qua tài khoản, gồm người nhận lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng, đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội và người có công... Từ đó hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng tài khoản an toàn, thuận tiện.

Trong lĩnh vực thương mại, Sở Công Thương được giao chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13 và các cơ quan liên quan nghiên cứu phương pháp thu thập, tổng hợp dữ liệu thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử.

Thuế tỉnh Tây Ninh tiếp tục cụ thể hóa kế hoạch phối hợp hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi số và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Tăng cường truyền thông về chính sách thuế mới, phối hợp với ngành Ngân hàng hỗ trợ mở tài khoản, hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần nâng cao nhận thức của người dân và giảm thất thu thuế.

Tại cấp xã, phường, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh yêu cầu chủ động phối hợp với các tổ chức tín dụng xây dựng, triển khai và đánh giá các mô hình thanh toán không dùng tiền mặt.

Đặc biệt, các địa phương phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13 và các tổ chức tín dụng hoàn thiện phương án, đề án “Xã/phường không tiền mặt”, tổ chức thực hiện hiệu quả, bền vững để làm cơ sở nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

Các Tổ công nghệ số cộng đồng và Tổ nhân dân tự quản được phát huy vai trò trong tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, nhất là hỗ trợ người yếu thế tiếp cận và sử dụng thiết bị điện thoại thông minh.

Các địa phương cũng được yêu cầu cân đối ngân sách để xem xét nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng mạng internet, wifi miễn phí tại các chợ truyền thống và điểm công cộng, tạo thuận lợi cho người dân thực hiện giao dịch.

Đối với các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp điện, nước, viễn thông, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh yêu cầu chủ động phối hợp với các sở, ngành và chính quyền địa phương cụ thể hóa các giải pháp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, để thanh toán không dùng tiền mặt thực sự đi vào đời sống, mỗi cán bộ, công chức cần phát huy vai trò nêu gương, đi đầu, trở thành tuyên truyền viên trong gia đình và cộng đồng.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đồng thời phải tăng cường chia sẻ thông tin, kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc để phối hợp tháo gỡ, qua đó từng bước hình thành hệ sinh thái thanh toán số an toàn, thuận tiện và bền vững.

Nguồn: daibieunhandan.vn

CÀ MAU RÀ SOÁT PHẦN MỀM ĐÁNH GIÁ CÔNG CHỨC QUA KPI SAU MỘT THÁNG THÍ ĐIỂM

Sau một tháng đưa vào vận hành thử nghiệm, Phần mềm đánh giá công chức (KPI) của tỉnh Cà Mau đã bước đầu phát huy hiệu quả trong việc minh bạch hóa công tác quản lý, tuy nhiên vẫn còn gặp một số khó khăn.

Vào đầu tháng 7 vừa qua, phần mềm đánh giá công chức KPI của tỉnh Cà Mau được đưa vào thí điểm tại Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân phường An Xuyên, Ủy ban nhân dân phường Bạc Liêu và Ủy ban nhân dân phường Tân Thành.

Sở Khoa học và Công nghệ vừa chủ trì buổi đánh giá sau 1 tháng thí điểm phần mềm. Những kết quả đạt được là công tác giao nhiệm vụ, theo dõi tiến độ và cập nhật kết quả công việc tại các cơ quan, đơn vị tham gia thí điểm từng bước được số hóa trên hệ thống.

Việc ứng dụng công nghệ cũng đã góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch trong quản lý, theo dõi và đánh giá công chức, đồng thời gắn rõ trách nhiệm cá nhân với sản phẩm đầu ra của từng nhiệm vụ.

Tuy nhiên, quá trình vận hành thực tế cũng phát sinh một số vướng mắc kỹ thuật và nghiệp vụ. Cụ thể, quy trình thao tác trên phần mềm còn nhiều bước phức tạp; các chức năng thống kê, báo cáo và phân quyền chưa thực sự hoàn thiện.

Bên cạnh đó, việc kết nối dữ liệu với Hệ thống iOffice chưa đồng bộ, trong khi danh mục sản phẩm và tiêu chí đánh giá vẫn cần tiếp tục rà soát để điều chỉnh cho phù hợp với đặc thù công việc của từng đơn vị.

Trước thực trạng trên, Tổ triển khai đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị thí điểm tiếp tục phối hợp chặt chẽ với đơn vị cung cấp giải pháp nhằm hoàn thiện các chức năng của phần mềm. Đồng thời, các bên cần nghiên cứu, thống nhất quy trình giao việc, theo dõi và đánh giá công chức bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành lẫn yêu cầu thực tiễn. Đơn vị cung cấp giải pháp phải có trách nhiệm khẩn trương nâng cấp hệ thống.

Tổ triển khai phần mềm sẽ tổng hợp kết quả, hoàn thiện báo cáo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xem xét, chỉ đạo triển khai trong giai đoạn tiếp theo, hướng tới xây dựng hệ thống đánh giá hoàn thiện, triển khai rộng rãi để đẩy mạnh chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước.

Phần mềm KPI được tỉnh Cà Mau đưa vào thí điểm nhằm thực hiện Nghị định số 335/2025/NĐ-CP của Chính phủ, quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức. Qua việc ứng dụng phần mềm, Cà Mau cũng đặt mục tiêu mang lại hiệu quả rõ rệt trên khía cạnh quản lý, điều hành lẫn hiệu suất làm việc của cán bộ, công chức và người lao động.

Nguồn: vov.vn

CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM: THỰC TIỄN VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA

Bài viết phân tích cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn của cơ chế đánh giá cán bộ, công chức (CBCC) theo vị trí việc làm (VTVL) trong bối cảnh đổi mới quản trị nhân lực khu vực công ở Việt Nam; từ đó khẳng định yêu cầu đánh giá CBCC theo phẩm chất, năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với VTVL. Bài viết cũng chỉ ra những thách thức trong quá trình triển khai đánh giá CBCC theo VTVL và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện VTVL, xây dựng tiêu chí đánh giá, đổi mới quy trình đánh giá và đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý công chức.

1. Mở đầu

Đánh giá cán bộ, công chức (CBCC) giữ vai trò quan trọng trong quản trị nhân lực khu vực công, là căn cứ để thực hiện các quyết định về sử dụng, bổ nhiệm, đào tạo, khen thưởng hay tinh giản biên chế. Tuy nhiên, trong thời gian dài, công tác đánh giá CBCC ở nhiều nơi vẫn chủ yếu dựa trên phương thức truyền thống, với tiêu chí còn chung chung, cách đánh giá thiên về nhận xét định tính và kết quả đánh giá chưa gắn chặt với việc sử dụng, bố trí hay sàng lọc nhân sự. Thực tế cho thấy, ở không ít cơ quan, đơn vị, tỷ lệ cán bộ, công chức được xếp loại “hoàn thành tốt” và “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” luôn ở mức cao, trong khi số trường hợp bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ lại rất thấp, chưa phản ánh đúng thực chất chất lượng thực thi công vụ.

Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là việc đánh giá chưa gắn với yêu cầu cụ thể của từng VTVL. Nhiều cơ quan vẫn áp dụng tiêu chí tương đối giống nhau cho các nhóm công việc khác nhau, mặc dù tính chất, trách nhiệm và yêu cầu chuyên môn của từng vị trí có sự khác biệt đáng kể. Bên cạnh đó, quá trình đánh giá ở một số nơi còn chịu tác động của tâm lý nể nang, ngại va chạm hoặc quan hệ nội bộ, dẫn đến kết quả đánh giá thiếu sự phân hóa rõ ràng.

Dấu mốc quan trọng trong tiến trình cải cách thể chế, khi Quốc hội khóa XV ban hành Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025). Trong đó, khoản 4, Điều 3 Luật quy định: “Việc đánh giá, bố trí và sử dụng cán bộ, công chức phải căn cứ vào phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và kết quả, hiệu quả thực thi nhiệm vụ theo yêu cầu vị trí việc làm”. Đây là bước chuyển dịch về chất so với các quy định trước đây.

2. Cơ sở lý luận và pháp lý của đánh giá công chức theo vị trí việc làm

2.1. Nền tảng lý thuyết

Đánh giá công chức theo VTVL hiện chịu ảnh hưởng chủ yếu từ hai cách tiếp cận quản trị nhân lực hiện đại. Thứ nhất là quản lý theo kết quả (Results-Based Management - RBM), kế thừa tư tưởng quản lý theo mục tiêu (Management by Objectives - MBO) của Peter Drucker (1954) và được phát triển mạnh trong khuôn khổ Quản lý công mới (New Public Management) từ thập niên 1980. Cách tiếp cận này nhấn mạnh, việc đánh giá hiệu suất cần

gắn với các mục tiêu và kết quả đầu ra được xác lập trước, thông qua các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI) phù hợp với từng VTVL và bảo đảm nguyên tắc “SMART”, gồm: cụ thể (Specific), đo lường được (Measurable), có thể đạt được (Achievable), phù hợp với yêu cầu công việc (Relevant) và có thời hạn xác định (Time-bound). *Thứ hai là* đánh giá theo năng lực (Competency-Based Assessment - CBA), được phát triển bởi David McClelland (1973) và tiếp tục được hoàn thiện bởi Spencer & Spencer (1993) trong công trình Competence at Work, nhấn mạnh việc thực hiện hiệu quả một vị trí công việc đòi hỏi các năng lực phù hợp về kiến thức, kỹ năng và hành vi nghề nghiệp.

Trên thực tế, hai cách tiếp cận này có tính bổ trợ lẫn nhau: RBM tập trung vào kết quả công việc cần đạt được, trong khi CBA lý giải năng lực cần có để đạt được các kết quả đó.

VTVL là điểm kết nối giữa hai cách tiếp cận nêu trên, vì đây là căn cứ xác định đồng thời nhiệm vụ, kết quả đầu ra và yêu cầu năng lực của từng công chức. Khi VTVL được mô tả rõ ràng, cơ quan quản lý có thể xây dựng hệ thống đánh giá vừa đo kết quả thực thi, vừa đo năng lực; qua đó giảm bớt tính cảm tính vốn tồn tại trong mô hình truyền thống.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy nhiều nước đã triển khai đánh giá công chức gắn chặt với VTVL. Singapore áp dụng Hệ thống Quản lý hiệu suất công vụ (EPMS) dựa trên kết quả công tác và tiềm năng phát triển, gắn với cơ chế phân loại nhằm hạn chế tình trạng “cào bằng”. Hàn Quốc vận hành đánh giá kết hợp kết quả công việc (60%), năng lực thực thi (30%) và đóng góp tổ chức (10%), đồng thời công khai kết quả theo đơn vị để tạo cạnh tranh lành mạnh. Australia xây dựng Khung năng lực dịch vụ công (APS Capability Framework) phân tầng theo cấp VTVL, gắn trực tiếp với chu trình đánh giá và phát triển nghề nghiệp. Từ các mô hình này, ba nguyên tắc cốt lõi được rút ra: tiêu chí đánh giá phải đặc thù theo VTVL; kết hợp định lượng với định tính; kết quả đánh giá phải gắn với quyết định nhân sự thực chất.

2.2. Khung pháp lý về đánh giá công chức theo vị trí việc làm

Giai đoạn đặt nền tảng

Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 là văn bản nền tảng, bước đầu gắn quản lý công chức với yêu cầu công việc và biên chế cơ quan. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (Luật số 52/2019/QH14) tiến thêm một bước: yêu cầu đánh giá công chức theo kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với VTVL, kết quả đánh giá được dùng làm căn cứ cho các quyết định nhân sự - bổ nhiệm, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật. Tuy nhiên, quy định còn ở mức nguyên tắc, thiếu công cụ định lượng cụ thể.

Giai đoạn cụ thể hoá

Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ quy định cụ thể hơn về đánh giá, xếp loại chất lượng CBCC; yêu cầu công chức đăng ký nhiệm vụ, chỉ tiêu đầu năm làm căn cứ đánh giá cuối năm. Đây là bước tiến nhưng cơ chế đánh giá vẫn chủ yếu mang tính định tính, chưa phân hóa theo đặc thù VTVL. Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ tiếp tục sửa đổi quy trình và cách sử dụng kết quả đánh giá, nhưng chưa tạo ra thay đổi căn bản về phương pháp.

Dấu mốc quan trọng trong tiến trình cải cách thể chế

Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 là dấu mốc quan trọng trong tiến trình cải cách thể chế, nhằm xây dựng một nền công vụ chuyên nghiệp, hiện đại, liêm chính, phục vụ nhân dân và kiến tạo. Đặc biệt, các quy định cụ thể về đánh giá công chức (*mục 3 chương IV*) được thực hiện từ ngày 01/01/2026. Luật tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của VTVL trong quản lý công chức và nhấn mạnh việc đánh giá, bố trí, sử dụng công chức phải căn cứ vào phẩm chất, năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của từng VTVL.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ và Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đã xác định đổi mới đánh giá CBCC theo hiệu quả công việc và VTVL là nhiệm vụ trọng tâm của cải cách công vụ, tạo nền tảng chính trị cho những đột phá lập pháp tiếp theo. Nhìn tổng thể, hệ thống pháp luật đã chuyển từ quản lý chủ yếu theo ngạch, bậc sang tăng cường quản lý theo VTVL, năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ.

3. Thực trạng và những thách thức đặt ra

3.1. Hạn chế của cơ chế đánh giá cán bộ, công chức trước khi Luật số 80/2025/QH15 có hiệu lực

Thứ nhất, tiêu chí đánh giá còn mang tính chung, chưa phản ánh đặc thù từng VTVL. Công chức làm công tác chuyên môn, thanh tra, tham mưu hay hành chính vẫn bị áp dụng cùng một hệ thống tiêu chí, dẫn đến khó phân biệt mức độ đóng góp và hiệu quả thực thi giữa các vị trí khác nhau.

Thứ hai, phương thức đánh giá nặng về nhận xét định tính và bỏ phiếu tập thể, trong khi tiêu chí về kết quả đầu ra chưa được lượng hoá. Điều này khiến đánh giá ở nhiều cơ quan chịu tác động của tâm lý nể nang và áp lực quan hệ nội bộ, làm giảm tính thực chất.

Thứ ba, mối liên hệ giữa đánh giá cá nhân và kết quả của cơ quan, đơn vị còn lỏng lẻo; công tác đánh giá ở nhiều cơ quan, đơn vị chưa phản ánh đầy đủ chất lượng thực thi công vụ, chưa tạo được cơ chế sàng lọc và khuyến khích cạnh tranh dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3.2. Những thách thức trong triển khai cơ chế đánh giá mới

Định hướng chuyển sang đánh giá theo VTVL và KPI là bước đột phá cần thiết. Tuy nhiên, quá trình hiện thực hóa đứng trước nhiều thách thức đan xen.

Về nền tảng dữ liệu VTVL: Đánh giá theo VTVL đòi hỏi mỗi vị trí phải có bản mô tả công việc đầy đủ và khung năng lực tương ứng. Thực tế cho thấy, nhiều cơ quan mới chỉ hoàn thành việc lập danh mục VTVL mà chưa mô tả chi tiết, đây là khoảng trống dữ liệu cần khắc phục.

Về xây dựng KPI: Định lượng kết quả công việc của các VTVL chuyên môn, nhất là tư vấn, hoạch định chính sách, phối hợp liên ngành... là công việc khó. Nếu như KPI quá đơn giản sẽ dẫn đến bóp méo hành vi (chạy theo “con số” thay vì chất lượng); trong khi KPI quá phức tạp sẽ khiến hệ thống không vận hành được.

Về năng lực của người đứng đầu: Việc giao quyền đánh giá cho người đứng đầu cơ quan là phù hợp với yêu cầu quản trị hiện đại, bởi đây là người trực tiếp theo dõi quá trình thực hiện nhiệm vụ của công chức. Tuy nhiên, trên thực tế, không phải người đứng đầu nào cũng có kỹ năng đánh giá nhân sự một cách bài bản và khách quan. Ở nhiều cơ quan vẫn còn tâm lý ngại va chạm, nể nang trong nhận xét, dẫn đến xu hướng đánh giá theo hướng “an toàn”, ít tạo ra sự phân hóa rõ ràng giữa các mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Về hạ tầng công nghệ: Đánh giá thực chất theo VTVL đòi hỏi hệ thống theo dõi và ghi nhận sản phẩm công việc liên tục. Nhiều cơ quan vẫn đánh giá theo phương thức thủ công hoặc bán thủ công, chưa có phần mềm tích hợp và chuẩn hoá toàn quốc.

Về văn hóa tổ chức: Đây có lẽ là thách thức lớn nhất trong quá trình đổi mới cơ chế đánh giá CBCC hiện nay. Việc chuyển từ cách đánh giá còn nặng cảm tính, nể nang sang đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả công việc không chỉ là thay đổi quy trình, mà còn đòi hỏi sự thay đổi về tư duy quản lý và văn hóa công vụ. Đây là quá trình lâu dài, bởi thói quen đánh giá “an toàn”, thiếu phân hóa đã tồn tại từ lâu trong nhiều cơ quan và khó có thể thay đổi chỉ bằng các quy định hành chính.

4. Đề xuất giải pháp trọng tâm

4.1. Hoàn thiện hệ thống bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực

Để đánh giá công chức theo VTVL hiệu quả, trước hết cần hoàn thiện hệ thống bản mô tả VTVL và khung năng lực cho từng vị trí. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng tiêu chí đánh giá và các chỉ số kết quả công việc (KPI) phù hợp. Nếu VTVL chưa được mô tả rõ ràng thì rất khó xác định công chức cần làm gì, đạt kết quả ra sao và được đánh giá theo tiêu chí nào.

Mỗi bản mô tả VTVL cần xác định rõ nhiệm vụ chính, yêu cầu về kết quả công việc, quyền hạn, mối quan hệ phối hợp trong công tác và yêu cầu về năng lực đối với người đảm nhiệm vị trí đó. Khung năng lực cũng cần được xây dựng phù hợp với từng nhóm vị trí, bao gồm kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực thi công vụ và thái độ nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, cần sớm xây dựng các mẫu bản mô tả VTVL dùng chung theo từng nhóm cơ quan, lĩnh vực và ngành nghề để bảo đảm tính thống nhất trong toàn hệ thống. Việc này sẽ giúp hạn chế tình trạng mỗi cơ quan xây dựng theo một cách khác nhau, gây khó khăn cho công tác quản lý và đánh giá. Đồng thời, cần có cơ chế hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và kiểm tra tiến độ thực hiện nhằm bảo đảm việc hoàn thiện VTVL được triển khai đồng bộ, thực chất và đúng lộ trình.

4.2. Xây dựng KPI thực chất, phù hợp với đặc thù từng nhóm vị trí việc làm

KPI phải được xây dựng từ bản mô tả VTVL, không phải từ ý kiến chủ quan của người quản lý. Đối với nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ, KPI có thể định lượng trực tiếp theo số lượng, chất lượng và tiến độ sản phẩm cụ thể. Đối với nhóm VTVL chuyên môn, nghiệp vụ, cần kết hợp KPI định lượng (số văn bản, đề án hoàn thành đúng hạn) với KPI định tính có thang đo rõ ràng (độ chính xác, sự hài lòng của đơn vị thụ hưởng). Đối với VTVL lãnh đạo, quản lý, KPI gồm cả kết quả cá nhân lẫn kết quả tổ chức mà họ phụ trách, phù hợp với nguyên tắc trách nhiệm người đứng đầu.

KPI cần được thiết kế cân bằng: đo số lượng, chất lượng (tỷ lệ sai sót, phải làm lại) và tiến độ (mức độ đúng hạn). Nên dành 15-20% điểm KPI cho nhiệm vụ đột xuất và sáng kiến cải tiến, nhằm khuyến khích tinh thần chủ động trong công vụ.

4.3. Đổi mới thực chất quy trình đánh giá và vai trò của người đứng đầu

Việc giao trách nhiệm đánh giá công chức cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị là phù hợp với yêu cầu quản trị hiện đại, bởi đây là chủ thể trực tiếp theo dõi quá trình thực hiện nhiệm vụ của công chức. Tuy nhiên, để cơ chế này vận hành hiệu quả, không chỉ dừng ở việc giao quyền mà còn cần bảo đảm người đứng đầu có đủ kỹ năng và công cụ thực hiện đánh giá một cách thực chất.

Về quy trình, cần chuyển từ cách đánh giá chủ yếu tập trung vào cuối năm sang cơ chế theo dõi và đánh giá thường xuyên theo chu kỳ công việc. Có thể triển khai theo ba bước gồm: 1) Xây dựng kế hoạch và cam kết nhiệm vụ ngay từ đầu kỳ; 2) Theo dõi, trao đổi và phản hồi trong quá trình thực hiện; 3) Đánh giá, xếp loại vào cuối kỳ trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ. Cách tiếp cận này giúp hạn chế tình trạng đánh giá cảm tính hoặc chỉ dựa vào kết quả tại một thời điểm, đồng thời tạo điều kiện để công chức kịp thời điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Đối với các vị trí thường xuyên tiếp xúc với người dân, tổ chức và doanh nghiệp, cần từng bước bổ sung cơ chế lấy ý kiến phản hồi của đối tượng thụ hưởng dịch vụ công như một kênh tham khảo trong đánh giá công chức. Bên cạnh đó, cần tăng cường bồi dưỡng kỹ năng đánh giá cho người đứng đầu, nhất là kỹ năng phản hồi công việc, nhận xét theo tiêu chí cụ thể và phân biệt rõ mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng công chức. Quan trọng hơn, cần từng bước hình thành văn hóa đánh giá thẳng thắn, khách quan và dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước.

4.4. Gắn kết quả đánh giá với sử dụng công chức và đẩy mạnh chuyển đổi số

Để cơ chế đánh giá công chức theo VTVL thực sự phát huy hiệu quả, kết quả đánh giá cần được gắn chặt với các quyết định về sử dụng và quản lý nhân sự. Theo tinh thần của Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15, kết quả đánh giá không chỉ phục vụ xếp loại cuối năm mà còn phải trở thành căn cứ cho khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, đào tạo, nâng lương hoặc xem xét tinh giản biên chế.

Trên cơ sở đó, các cơ quan cần xây dựng quy chế nội bộ với tiêu chí và ngưỡng đánh giá rõ ràng. Công chức có kết quả thực hiện nhiệm vụ tốt trong nhiều kỳ liên tiếp cần được ưu tiên trong quy hoạch, bổ nhiệm hoặc nâng lương trước thời hạn. Ngược lại, đối với trường hợp nhiều lần không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có kết quả thấp kéo dài, cần có cơ chế hỗ trợ cải thiện hiệu suất công việc, đồng thời xem xét điều chuyển hoặc sàng lọc nếu không đáp ứng yêu cầu VTVL.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số cần được xem là điều kiện quan trọng để đổi mới công tác đánh giá công chức. Việc xây dựng hệ thống phần mềm quản lý đánh giá thống nhất, liên thông với cơ sở dữ liệu CBCC sẽ giúp theo dõi tiến độ công việc, lưu trữ kết quả đánh giá và

hình thành hồ sơ điện tử trong suốt quá trình công tác của mỗi công chức. Đây cũng là cơ sở để từng bước giảm đánh giá cảm tính và tăng tính minh bạch trong quản lý nhân sự công.

Trong thực tế, một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh đã bước đầu triển khai đánh giá công chức theo kết quả công việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hiệu suất. Những kinh nghiệm này cần được tổng kết, đánh giá phù hợp để làm cơ sở tham khảo cho quá trình triển khai trên phạm vi rộng hơn.

5. Kết luận

Việc chuyển sang đánh giá công chức theo VTVL là xu hướng phù hợp với yêu cầu đổi mới quản trị nhân lực khu vực công hiện nay. So với cơ chế đánh giá truyền thống vốn còn nặng tính bình quân và cảm tính, cách tiếp cận mới hướng đến việc đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu của từng vị trí công việc và năng lực thực thi của công chức.

Cơ chế đánh giá công chức theo VTVL không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC mà còn tạo nền tảng cho quá trình xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, trách nhiệm và hiệu quả hơn.

Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho quá trình chuyển đổi này khi đặt VTVL vào trung tâm của hoạt động quản lý, sử dụng và đánh giá công chức. Tuy nhiên, hiệu quả của cơ chế mới không chỉ phụ thuộc vào quy định pháp luật mà còn phụ thuộc vào chất lượng triển khai trong thực tế, nhất là việc hoàn thiện bản mô tả VTVL, xây dựng tiêu chí đánh giá phù hợp, nâng cao năng lực của người đứng đầu và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý công chức.

Nguồn: tcnnld.vn

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008.*
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019.*
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 ngày 25/6/2025.*
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược.*
5. Chính phủ Việt Nam. *Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.*
6. David McClelland (1973). “Testing for Competence Rather Than for Intelligence”. *American Psychologist*
7. Lyle M. Spencer & Signe M. Spencer (1993). *Competence at Work: Models for Superior Performance*. New York: John Wiley & Sons.
8. Australian Public Service Commission (2023). *APS Integrated Leadership System and Capability Framework*.

ĐỊNH HƯỚNG HÀNH ĐỘNG TỪ CHỈ ĐẠO CỦA TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC: CHUYỂN MẠNH SANG TẠO RA SẢN PHẨM, KẾT QUẢ VÀ GIÁ TRỊ CỤ THỂ

Phát biểu chỉ đạo tại hội nghị toàn quốc sơ kết 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (ngày 22/12/2024) của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh, các nhiệm vụ thực hiện nghị quyết chỉ được coi là hoàn thành khi có sản phẩm vận hành, dữ liệu kiểm chứng, người dùng thực tế và hiệu quả đo đếm được. Yêu cầu đặt ra là phải chuyển mạnh từ triển khai nhiệm vụ sang tạo ra sản phẩm, kết quả và giá trị cụ thể, đóng góp trực tiếp vào mục tiêu tăng trưởng hai con số.

Tinh thần chỉ đạo đó đang được cấp ủy, chính quyền các địa phương cụ thể hóa bằng những cách làm mới, hiệu quả, từ thay đổi phương thức quản trị, xây dựng dữ liệu đến tổ chức lại sản xuất, mở rộng thị trường, tạo động lực cho tăng trưởng, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của đất nước.

Chuyển hóa chủ trương thành kết quả thực chất

Thực tiễn triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW đã mở ra giai đoạn phát triển mới của đất nước, khẳng định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không còn là một lĩnh vực chuyên môn riêng biệt, mà đã trở thành phương thức lãnh đạo, phương thức quản trị và là động lực chính để phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tại Thành phố Hà Nội, Kế hoạch hành động số 20-KH/BCĐ57 ngày 19/1/2026 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố (Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy) xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là những động lực quan trọng để nâng cao hiệu quả quản trị, chất lượng phục vụ Nhân dân, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả quản lý đô thị. Trên cơ sở đó, thành phố xây dựng phương thức quản trị theo nhiệm vụ, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp, giảm tầng nấc trung gian, rút ngắn thời gian chỉ đạo từ thành phố đến cơ sở.

Mỗi nhiệm vụ được xác định rõ trách nhiệm của người thực hiện, tiến độ, kết quả, từng bước hình thành phương thức điều hành dựa trên dữ liệu. Thành phố đã đưa vào vận hành nền tảng HanoiWork trong toàn hệ thống chính trị, theo dõi trách nhiệm của từng đơn vị, cán bộ và tiến độ xử lý công việc, gắn với phương pháp đánh giá hiệu suất công việc (OKR/KPI). Hệ thống được triển khai tại 179 đơn vị, với hơn 77.000 cán bộ tham gia và gần 240.000 công việc được khởi tạo, theo dõi trên môi trường số. Đến nay, mô hình quản trị theo OKR/KPI trên nền tảng HanoiWork đã góp phần chuyển phương thức quản lý từ giao việc hành chính sang “quản trị số theo mục tiêu, tiến độ, sản phẩm và dữ liệu”, sử dụng công nghệ để thay đổi cách thức tổ chức, điều hành, đánh giá kết quả.

Ở cấp cơ sở, tinh thần đổi mới phương thức quản trị tiếp tục được các xã, phường triển khai trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của thành phố. Việc thí điểm phương pháp OKR/KPI trên nền tảng HanoiWork tại 5 đơn vị bước đầu cho thấy hiệu quả trong theo dõi, đánh giá công việc, góp phần giảm thời gian, chi phí giải quyết công việc cho người dân và doanh nghiệp. Những chuyển động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang từng bước nâng cao hiệu quả quản trị và phục vụ người dân, doanh nghiệp, tạo ra những giá trị cụ thể cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế Thủ đô.

Sáu tháng đầu năm 2026, Hà Nội thu hút khoảng 3,2 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), chủ yếu vào khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp duy trì ổn định, đóng góp khoảng 11.000 tỷ đồng cho ngân sách thành phố. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) sáu tháng đầu năm tăng 8,22%, mức cao nhất trong 10 năm gần đây, tạo nền tảng để Hà Nội hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai con số trong năm 2026.

Lấy sản phẩm, hiệu quả làm thước đo của phát triển

Kết quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị tạo nền móng về thể chế, hạ tầng số, dữ liệu và nhận thức. Trung ương yêu cầu phải chuyển sang giai đoạn phát triển tiếp theo, tạo ra những sản phẩm cụ thể, có khả năng vận hành, được người dân và doanh nghiệp sử dụng, tạo ra giá trị mới cho phát triển. Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chỉ rõ, phải chuyển mạnh sang tạo ra kết quả thực chất, đo lường được; mỗi nhiệm vụ phải gắn với kết quả cụ thể, mỗi chương trình phải góp phần giải quyết những bài toán lớn của phát triển đất nước. Tinh thần chỉ đạo đó đang được hiện thực hóa qua nhiều cách làm tại các địa phương.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những địa phương chủ động xây dựng thị trường đổi mới sáng tạo. Việc thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm với vốn điều lệ ban đầu 500 tỷ đồng, định hướng mở rộng lên 5.000 tỷ đồng vào năm 2030, cho thấy thành phố từng bước hình thành các thiết chế tài chính hỗ trợ đổi mới sáng tạo, tạo thêm nguồn lực cho những ý tưởng, doanh nghiệp và công nghệ có tiềm năng phát triển.

Tại thành phố Đồng Nai, Thành ủy Đồng Nai chú trọng xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo từ cơ sở. Thành phố ban hành chỉ thị về việc hình thành, phát triển và chuẩn bị đưa hơn 20 không gian sáng tạo ở cấp xã, phường vào hoạt động, đồng thời hoàn thiện quy hoạch Khu đổi mới sáng tạo tại xã Bình An, Khu khoa học, công nghệ tại phường Đồng Xoài và đẩy nhanh thủ tục pháp lý đối với Khu công nghệ số tập trung Long Thành tại xã An Phước và xã Bình An. Những bước đi này cho thấy tư duy mới trong tổ chức thực hiện của cấp ủy các cấp, không chờ đợi đầy đủ mọi điều kiện mới triển khai, mà chủ động từ thực tiễn để tạo ra cơ chế, mô hình và không gian phát triển mới; đưa đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với giải quyết các bài toán thực tiễn.

Ở tỉnh Thái Nguyên, Tỉnh ủy yêu cầu chuyển đổi số được gắn trực tiếp với phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu chè gắn với truy xuất nguồn gốc; đến nay có 149 mã số vùng trồng chè được định vị trên hệ thống định vị

toàn cầu (GPS), với tổng diện tích hơn 900ha, sản lượng chè búp tươi ước đạt 11.300 tấn. Việc xây dựng mã số vùng trồng tạo nền tảng để sản phẩm chè từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị nông sản chất lượng cao.

Cùng hướng đi đó, tỉnh Lâm Đồng đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, với hơn 107.000ha sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nhiều mô hình ứng dụng Internet vạn vật (IoT), hệ thống cảm biến, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo, đang phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

Tỉnh Cà Mau phát triển các mô hình nuôi tôm tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, hướng tới hình thành 1.500ha nuôi tôm công nghệ cao.

Tỉnh Đồng Tháp triển khai nhiều mô hình chuyển đổi số trong nông nghiệp, từ truy xuất nguồn gốc bằng mã QR, quản lý hợp tác xã đến ứng dụng công nghệ số trong sản xuất; nhiều sản phẩm OCOP được đưa lên các sàn thương mại điện tử, mở rộng khả năng tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế.

Điểm chung của những mô hình nêu trên là đổi mới sáng tạo bắt đầu từ nhu cầu phát triển, ứng dụng công nghệ nhằm thương mại hóa, tạo sản phẩm, giá trị mới cho xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Mỗi địa phương xác định rõ các bài toán thực tiễn cần giải quyết bằng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đây là một trong những chuyển biến quan trọng trong tư duy triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW như đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh, kết quả thực hiện không chỉ dừng ở việc văn bản được ban hành, kế hoạch được xây dựng, tổ chức các hội nghị hoặc thành lập bộ máy, mà phải thể hiện bằng công nghệ được làm chủ, dữ liệu được kết nối, thủ tục hành chính được cắt giảm, đơn giản hóa, năng suất được nâng cao, doanh nghiệp phát triển, lợi ích mang lại cho người dân, xã hội và mức đóng góp vào tăng trưởng.

Nguồn: daibieunhandan.vn

LẤY DÂN LÀM GỐC TRONG VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là bài học lớn về sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, gọi mở nhiều giá trị trong xây dựng bộ máy chính quyền hôm nay. Từ thực tiễn vận hành chính quyền địa phương hai cấp, yêu cầu đặt ra là tiếp tục lấy dân làm gốc, đề cao trách nhiệm, tinh thần dám làm, dám chịu trách nhiệm, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính... để bộ máy thực sự gần dân. Báo Quân đội nhân dân giới thiệu một số ý kiến của bạn đọc xung quanh vấn đề này.

Ông Lê Như Tiến, nguyên Phó chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng (nay là Ủy ban Văn hóa và Xã hội) của Quốc hội:

Tinh thần lấy dân làm gốc

Nhìn từ góc độ quản trị quốc gia, tinh thần Cách mạng Tháng Tám là bài học sâu sắc về lấy dân làm gốc, dám đổi mới, quyết đoán trong hành động và tổ chức bộ máy vì lợi ích nhân dân. Quá trình vận hành chính quyền địa phương hai cấp hiện nay, vận dụng tinh thần Cách mạng Tháng Tám trước hết cần sự thay đổi trong tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức từ tư duy quản lý sang tư duy phục vụ, kiến tạo để phát triển; chấm dứt tình trạng không quản được thì cấm. Với chính quyền địa phương hai cấp hiện nay, khi không còn cấp trung gian, yêu cầu đặt ra sẽ lớn hơn, cần sự quyết đoán, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Cấp xã là cấp thực hiện, cấp gần dân, đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức cấp xã cần xóa bỏ tâm lý sợ sai, đẩy việc lên cấp trên hoặc thụ động chờ hướng dẫn thực hiện. Cấp tỉnh cũng cần phân quyền mạnh mẽ cho cấp xã thực hiện, có giám sát quyền lực. Chính quyền địa phương hai cấp hiện nay có lợi thế rút ngắn khoảng cách hành chính nhưng lợi thế ấy chỉ thật sự phát huy hiệu quả khi cán bộ thực sự gần dân, sát dân...

Giáo sư, Tiến sĩ Phạm Hồng Tung, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội:

Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung

Năm 1945, khát vọng lớn nhất của dân tộc là giành độc lập, tự do thì hôm nay, khát vọng ấy được tiếp nối bằng mục tiêu xây dựng, phát triển đất nước, nhân dân có cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc. Điều này phải trở thành động lực để mỗi cấp, mỗi ngành và mỗi cán bộ chủ động đổi mới, dám hành động vì lợi ích chung. Đối với chính quyền địa phương hai cấp, tinh thần này càng có ý nghĩa thiết thực. Chuyển đổi số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng quản trị thông minh cần được khai thác để tăng cường kết nối giữa các cấp, các ngành và địa phương; rút ngắn quy trình xử lý công việc; nâng cao khả năng phân tích, dự báo và hỗ trợ cán bộ ra quyết định nhanh chóng, chính xác. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là minh chứng cho thấy bản lĩnh quyết đoán, nhạy bén trong đánh giá tình hình và lựa chọn thời điểm hành động của cha ông ta. Đây cũng là bài học có ý nghĩa trực tiếp đối với yêu cầu phân cấp, phân quyền hiện nay. Trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp, mỗi cán bộ, nhất là cán bộ ở cơ sở, cần phát huy tinh thần chủ động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Song để sự chủ động ấy trở thành động lực phát triển, cán bộ phải thực sự gần dân, lắng nghe nhân dân, vì lợi ích của nhân dân. Đó chính là cách đưa những giá trị của Cách mạng Tháng Tám trở thành nguồn lực tinh thần và bài học thực tiễn để hành động, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Đồng chí Nguyễn Ngọc Minh, Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Suối Hai, Thành phố Hà Nội:

Xây dựng chính quyền gần dân

Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ ngày 01/7/2025 là bước đổi mới quan trọng nhằm tinh gọn bộ máy, giảm tầng nấc trung gian, tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đưa chính quyền gần dân hơn. Qua thực tiễn vận hành, bộ máy từng bước ổn định, hoạt động thông suốt; cải cách hành chính, chuyển đổi số

được đẩy mạnh; trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên. Đây chính là sự vận dụng tinh thần Cách mạng Tháng Tám trong điều kiện mới, lấy hiệu quả phục vụ nhân dân làm thước đo hoạt động của chính quyền. Đối với xã Suối Hai, những kết quả bước đầu là minh chứng cụ thể. Sau khi thành lập, xã nhanh chóng ổn định tổ chức, bảo đảm công việc không bị gián đoạn, tập trung phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh. 6 tháng đầu năm 2026, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8,2%; thu nhập bình quân đạt 87,6 triệu đồng/người/năm; thu ngân sách đạt 175,442 tỷ đồng. Xã tiếp nhận 5.340 hồ sơ, trong đó 5.325 hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn, đạt 99,5%. Thời gian tới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Suối Hai tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết, tăng cường dân chủ ở cơ sở, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số; khai thác hiệu quả tiềm năng nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, xây dựng chính quyền thật sự gần dân, trọng dân, hiền dân và vì dân.

Ông Trần Tuấn Kính, Giám đốc Công ty Cổ phần MYDELI Việt Nam:

Thủ tục thông, doanh nghiệp thêm niềm tin

Là người điều hành một doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sơn, tôi thường xuyên phải thực hiện các thủ tục liên quan đến hoạt động của công ty. Qua thực tế làm việc với các cơ quan hành chính, điều tôi cảm nhận rõ là khi cán bộ nắm chắc công việc, hướng dẫn cụ thể, xử lý hồ sơ với tinh thần trách nhiệm cao thì doanh nghiệp tiết kiệm được rất nhiều thời gian, chi phí và có thêm niềm tin để tập trung cho sản xuất, kinh doanh. Từ trải nghiệm đó, tôi cho rằng tinh thần Cách mạng Tháng Tám trong điều kiện hôm nay cần được thể hiện bằng tinh thần hành động, dám chịu trách nhiệm và hết lòng phục vụ nhân dân. Với bộ máy chính quyền địa phương hai cấp hiện nay, tinh thần ấy càng cần được phát huy bằng những việc rất cụ thể: Cán bộ gần dân, sát doanh nghiệp hơn; việc thuộc thẩm quyền phải giải quyết nhanh, rõ đầu mối, rõ trách nhiệm; những vướng mắc phát sinh trong quá trình chuyển đổi mô hình phải được chủ động tháo gỡ, không để người dân và doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần. Điều doanh nghiệp mong muốn là thủ tục rõ ràng, thời gian giải quyết đúng hẹn và khi có vướng mắc thì biết tìm ai để được hướng dẫn, xử lý. Tôi từng thực hiện một số thủ tục của công ty và rất hài lòng khi cán bộ tiếp nhận chủ động kiểm tra hồ sơ, hướng dẫn ngay những nội dung còn thiếu thay vì để doanh nghiệp bổ sung nhiều lần. Có những việc tưởng nhỏ nhưng cách ứng xử trách nhiệm như vậy tạo ra sự khác biệt lớn. Theo tôi, hiệu quả của chính quyền địa phương hai cấp cuối cùng phải được đo bằng sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Khi mỗi cán bộ đều coi công việc của người dân, doanh nghiệp là việc cần giải quyết chứ không đơn thuần là một bộ hồ sơ phải tiếp nhận thì tinh thần Cách mạng Tháng Tám đã được chuyển hóa thành hành động thiết thực trong bộ máy hôm nay.

Nguồn: qdnd.vn

BƯỚC CHUYỂN CHIẾN LƯỢC TRONG TƯ DUY PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam, được Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV thông qua, đã đánh dấu bước chuyển chiến lược trong tư duy phát triển của Việt Nam, từ mục tiêu tăng trưởng sang đổi mới mô hình phát triển quốc gia, tạo nền tảng hiện thực hóa khát vọng đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Kiến tạo năng lực quốc gia

Theo Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng, nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Nghị quyết số 19-NQ/TW gồm nhiều “mảnh ghép” để hình thành mô hình phát triển mới. Đó là đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học-công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế xanh, đổi mới quản trị quốc gia, phát triển nguồn nhân lực...

Muốn triển khai đúng Nghị quyết, cần hiểu rõ kiến trúc mô hình phát triển mới để từ đó xác định đúng vị trí, vai trò, trọng tâm hành động của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp...

Mô hình phát triển mới mà Nghị quyết số 19-NQ/TW xác lập không phải tập hợp các chính sách mà là một kiến trúc phát triển gồm năm tầng gắn kết hữu cơ: Các nguồn lực phát triển, hệ thống chuyển hóa nguồn lực, năng lực quốc gia, thịnh vượng và sức mạnh quốc gia.

Điểm đột phá của mô hình không nằm ở việc bổ sung động lực tăng trưởng mới mà ở việc đặt năng lực quốc gia vào vị trí trung tâm của toàn bộ quá trình phát triển. Mô hình này vận hành theo năm nguyên lý cơ bản: Kiến tạo năng lực thay cho khai thác nguồn lực; năng suất được tạo ra từ đổi mới sáng tạo; giá trị được tạo ra từ sự kết nối; phát triển đồng thời tạo ra sự thịnh vượng và sức mạnh quốc gia; cuối cùng là mọi chủ thể đều tham gia kiến tạo năng lực quốc gia.

Đáng lưu ý, trong mô hình mới, Nhà nước không còn là chủ thể duy nhất tạo ra sự phát triển, thay vào đó, doanh nghiệp, người dân, tổ chức xã hội, trường đại học... đều là những chủ thể cùng tham gia kiến tạo năng lực quốc gia. Mỗi chủ thể cần xác định đúng vị trí, vai trò, trọng tâm hành động để kết nối thành một cơ chế vận hành thống nhất, chuyển hóa nguồn lực thành năng lực, năng suất, thịnh vượng và sức mạnh quốc gia.

Theo Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng, yêu cầu lớn nhất đối với các bộ, ngành, địa phương trong mô hình phát triển mới không phải là làm thêm nhiều việc mà là làm đúng việc hơn. Thành công của các địa phương không chỉ đo bằng số lượng dự án đầu tư hay tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) mà còn bằng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng quản trị và khả năng liên kết vùng...

Đối với các bộ, ngành, mỗi chính sách được ban hành phải góp phần tạo dựng năng lực quốc gia. Cụ thể, chính sách khoa học, công nghệ phải hướng tới nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo; chính sách tài chính phải giúp huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn; chính

sách giáo dục phải hướng tới nâng cao năng lực con người... Đối với cộng đồng doanh nghiệp, mục tiêu không chỉ là mở rộng quy mô hay gia tăng lợi nhuận mà còn phải làm chủ công nghệ, nâng cao năng suất, xây dựng thương hiệu và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Nền tảng cho tăng trưởng nhanh, bền vững

Để triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW vào cuộc sống, Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động gồm 40 chỉ tiêu cụ thể, trong đó phần đầu tăng trưởng bứt phá từ 10% trở lên trong giai đoạn 2026 - 2030, GDP bình quân đầu người phần đầu đạt khoảng 8.500USD vào năm 2030; giai đoạn 2031 - 2035 phần đầu tăng trưởng từ 8-8,5%, thu nhập bình quân đầu người khoảng 13.500USD; giai đoạn 2036 - 2045 phần đầu tăng trưởng khoảng 7,5%, thu nhập bình quân đầu người khoảng 28.000USD.

Quán triệt tinh thần và tư duy phát triển mới của Nghị quyết số 19-NQ/TW, Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam lựa chọn chủ đề “Đồng hành kiến tạo tăng trưởng bền vững: Doanh nghiệp - Địa phương-Quốc gia” cho sự kiện thường niên của Chương trình Kết nối và Chia sẻ về Phát triển bền vững năm 2026. Qua đó đưa phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu mà trở thành phương thức phát triển để doanh nghiệp cùng địa phương và Chính phủ kiến tạo những động lực tăng trưởng mới theo mô hình phát triển tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập.

Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Khắc Quốc Bảo, Phó Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cho biết, Thành phố Hồ Chí Minh trong định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030 sẽ chuyển sang mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và năng suất lao động cao; phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp; xây dựng nền quản trị hiện đại, minh bạch, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả. Theo định hướng này, thành phố đang tập trung vào ba mũi đột phá, gồm: Hoàn thiện và vận hành đầy đủ trung tâm tài chính quốc tế tại Thủ Thiêm; xây dựng hạ tầng kết nối vùng-cảng biển, logistics, đường sắt đô thị; đưa đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi xanh trở thành năng suất thật sự trong từng doanh nghiệp.

Tiến sĩ Nguyễn Thị Hương, Cục trưởng Thống kê nhận định, sau 40 năm Đổi mới, nền kinh tế đã bắt đầu xuất hiện những tín hiệu của quá trình chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng dựa nhiều vào mở rộng vốn, lao động sang mô hình dựa vào đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chú trọng nâng cao năng suất lao động.

Tín hiệu rõ nhất là bình quân giai đoạn 2021 - 2025, năng suất lao động tăng 5,2%/năm, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 47,04%; tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP tăng liên tục từ 12,87% năm 2021 lên 14,02% năm 2025...Cùng với đó, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đang từng bước chuyển từ yếu tố hỗ trợ sang yếu tố tạo năng lực cạnh tranh. Những chuyển động đó cho thấy nền kinh tế đang củng cố động lực tăng trưởng, tạo nền tảng phát triển cho giai đoạn 2026 - 2030.

Nguồn: nhandan.vn

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ, THU HÚT NHÂN TÀI TRONG LỰC LƯỢNG CHUYÊN TRÁCH BẢO VỆ AN NINH MẠNG

Chính phủ ban hành Nghị định số 329/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 quy định về lực lượng bảo vệ an ninh mạng. Trong đó, đáng chú ý là các quy định về chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài đối với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng.

Nghị định số 329/2026/NĐ-CP gồm 4 chương, 21 điều quy định về lực lượng bảo vệ an ninh mạng bao gồm tổ chức, hoạt động, phối hợp, huy động tham gia bảo vệ an ninh mạng; chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài đối với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Về chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài đối với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng, Chương III của Nghị định quy định như sau:

Nguyên tắc áp dụng chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài trong lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng

Chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài trong lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng được áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Nghị định này, bao gồm:

- Người đang thuộc lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng;
- Người chưa thuộc lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng nhưng được xem xét tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí, sử dụng hoặc ký hợp đồng để tham gia thực hiện nhiệm vụ trong lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng.

Việc áp dụng tiền lương, tiền công, thù lao, hỗ trợ tăng thêm, thu nhập và chính sách khác đối với từng đối tượng được thực hiện theo hình thức tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí, sử dụng hoặc ký kết hợp đồng, bảo đảm không trùng lặp chế độ, chính sách và phù hợp với nguồn kinh phí hợp pháp.

Việc áp dụng chính sách phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

- Đúng đối tượng, đúng tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện, đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật;
- Phù hợp với vị trí việc làm, chức danh, chức vụ, tính chất nhiệm vụ, mức độ cống hiến, kết quả thực hiện nhiệm vụ và yêu cầu xây dựng, phát triển lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng;
- Công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, hiệu quả;
- Gắn với yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an ninh thông tin mạng và yêu cầu bảo vệ chính trị nội bộ.

Việc tiếp tục áp dụng, điều chỉnh, gia hạn, tạm dừng hoặc chấm dứt áp dụng chính sách được thực hiện trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá định kỳ hoặc khi có thay đổi về vị trí việc làm, nhiệm vụ được giao, tổ chức bộ máy, biên chế hoặc điều kiện áp dụng chính sách.

Không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng chính sách quy định tại Chương III đối với trường hợp không còn đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện; vi phạm pháp luật; vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an ninh thông tin mạng; hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật, đang chấp hành hình thức kỷ luật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chính sách tiền lương, tiền công, thù lao và hỗ trợ tăng thêm hằng tháng

Điều 16 của Nghị định nêu rõ: Người được tuyển chọn, tiếp nhận, bổ trí, sử dụng, giao nhiệm vụ hoặc ký kết hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ trong lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng được hưởng tiền lương, tiền công, thù lao, phụ cấp, hỗ trợ và chế độ khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với hình thức sử dụng, vị trí việc làm, chức danh, chức vụ, tính chất nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Người thuộc biên chế lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng hoặc thuộc diện đãi ngộ, thu hút nhân tài, ngoài chế độ tiền lương, phụ cấp và chế độ khác theo quy định của pháp luật, được xem xét hưởng hỗ trợ tăng thêm hằng tháng theo một trong các mức sau đây (*):

a) **Mức 1, tối đa bằng 100% mức lương** theo hệ số lương hiện hưởng đối với trường hợp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ trong lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng, có yêu cầu về trình độ, chuyên môn và kết quả công việc không thuộc diện quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

b) **Mức 2, tối đa bằng 200% mức lương** theo hệ số lương hiện hưởng đối với người trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ trong lĩnh vực tham mưu chiến lược về bảo vệ an ninh mạng hoặc dự án công nghệ chiến lược; trực tiếp thực hiện nhiệm vụ yêu cầu trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu, tổ chức công tác huấn luyện, đào tạo bảo vệ an ninh mạng; trực tiếp đấu tranh phòng, chống hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, phòng chống gián điệp mạng, khủng bố mạng, chiến tranh mạng, tội phạm mạng; xây dựng, triển khai quy trình nghiệp vụ quan trọng có yêu cầu bảo mật, kỹ thuật cao; nghiên cứu, phát triển, vận hành, bảo vệ hệ thống, nền tảng, công cụ, giải pháp công nghệ chiến lược phục vụ bảo vệ an ninh mạng, giám sát, phân tích, đánh giá, cảnh báo sớm các nguy cơ đe dọa an ninh mạng quốc gia; thực hiện nhiệm vụ có cường độ cao, trực sẵn sàng, xử lý khẩn cấp phục vụ bảo vệ an ninh mạng; tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, bảo đảm an ninh dữ liệu, an ninh thông tin mạng; hoặc có sản phẩm đầu ra phục vụ trực tiếp công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, tác chiến, bảo vệ an ninh mạng;

c) **Mức 3, tối đa bằng 300% mức lương** theo hệ số lương hiện hưởng đối với người trực tiếp nghiên cứu, phát triển, làm chủ ứng dụng công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược hoặc công nghệ mới có tác động trực tiếp đến an ninh quốc gia; trực tiếp nghiên cứu, phát triển sản phẩm, giải pháp công nghệ, mô hình, đề án, dự án chiến lược có giá trị đột phá đối với bảo vệ an ninh mạng; thực hiện nhiệm vụ có yêu cầu bảo mật đặc biệt, cường độ đặc biệt cao, tự chủ ứng dụng, xử lý tình huống khẩn cấp 24/7 hoặc nhiệm vụ có ảnh hưởng lớn đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Trường hợp người được hưởng hỗ trợ tăng thêm hằng tháng không áp dụng chế độ tiền lương theo hệ số lương hoặc pháp luật về tiền lương thay đổi căn cứ tính lương, mức hỗ trợ được xác định theo căn cứ tương ứng phù hợp với quy định của pháp luật về tiền lương, ngân sách nhà nước.

Người không thuộc biên chế nhưng được bố trí, sử dụng, giao nhiệm vụ hoặc ký kết hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ trong lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng được hưởng tiền công, thù lao, hỗ trợ chi phí trực tiếp, hợp lý, cần thiết và chế độ khác phù hợp với trình độ chuyên môn, tính chất nhiệm vụ, mức độ đóng góp, kết quả thực hiện nhiệm vụ, theo thỏa thuận, hợp đồng, quyết định giao nhiệm vụ hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Việc áp dụng chính sách quy định tại Điều này phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng điều kiện, đúng thẩm quyền, phù hợp với vị trí việc làm, chức danh, chức vụ, tính chất nhiệm vụ, mức độ cống hiến và kết quả thực hiện nhiệm vụ; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp một người đồng thời đáp ứng điều kiện hưởng nhiều mức hỗ trợ tăng thêm hằng tháng hoặc nhiều chính sách hỗ trợ, đãi ngộ có cùng tính chất, mục đích thì chỉ được hưởng một mức cao nhất, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khoản hỗ trợ hằng tháng quy định tại (*) được trả cùng kỳ lương; không dùng làm căn cứ để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và được miễn thuế thu nhập cá nhân cùng các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước.

Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Điều này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan quy định hoặc hướng dẫn tiêu chí xác định đối tượng, nhóm vị trí việc làm, mức hỗ trợ, thời gian hưởng, nguồn kinh phí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định, cơ chế rà soát, kiểm tra, đánh giá, thanh toán và quyết toán việc thực hiện chính sách quy định tại Điều này.

Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và phát triển

Nghị định quy định đối tượng thuộc diện đãi ngộ, thu hút nhân tài trong lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng được ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, năng lực quản lý, chỉ huy, nghiên cứu, phát triển và hợp tác quốc tế phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

Căn cứ phẩm chất, năng lực, trình độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ và yêu cầu xây dựng lực lượng, đối tượng thuộc diện đãi ngộ, thu hút nhân tài được xem xét bố trí, sử dụng vào vị trí việc làm phù hợp; được quy hoạch, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giao đề án, giao nhiệm vụ trọng điểm, biệt phái, luân chuyển hoặc tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Đối tượng có thành tích đặc biệt xuất sắc, năng lực nổi trội, có sản phẩm, công trình hoặc kết quả công tác có giá trị cao được ưu tiên xem xét đưa vào diện trọng dụng, giao nhiệm vụ quan trọng, chiến lược hoặc xem xét tiếp tục áp dụng cơ chế, chính sách phù hợp theo quy định của pháp luật.

Việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và phát triển phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, thiết thực, gắn với yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và định hướng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng.

Nguồn: baochinhphu.vn

THÀNH LẬP CÁC TỔ CÔNG TÁC CỦA BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng đã ký ban hành Quyết định số 15-QĐ/BCĐTW về thành lập các Tổ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Quyết định nêu rõ: Thành lập các Tổ Công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (gọi tắt là các Tổ Công tác).

Tổ Công tác về chuyển đổi số, dữ liệu, dịch vụ công, cải cách hành chính, Đề án 06 do đồng chí Đại tướng Lương Tam Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo làm Tổ trưởng.

Nhiệm vụ chuyên môn của Tổ công tác này là nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo chỉ đạo, điều phối chuyển đổi số đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị; phát triển hạ tầng số, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và quản trị dựa trên dữ liệu. Theo dõi, đôn đốc xây dựng, kết nối, chia sẻ, làm sạch và khai thác dữ liệu; phát triển dịch vụ công trực tuyến, cải cách hành chính, tái cấu trúc quy trình, sử dụng dữ liệu thay thế giấy tờ. Theo dõi, đôn đốc thực hiện Đề án 06, định danh và xác thực điện tử, VNeID; đánh giá kết quả chuyển đổi số theo sản phẩm, hiệu quả quản trị và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tổ Công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ chiến lược do đồng chí Hồ Quốc Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo làm Tổ trưởng.

Tổ Công tác có nhiệm vụ chuyên môn là: Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo chủ trương, cơ chế, chính sách và giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ chiến lược; theo dõi, đôn đốc việc nghiên cứu, phát triển, làm chủ, thử nghiệm, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ, sản phẩm công nghệ chiến lược; thúc đẩy liên kết giữa cơ quan quản lý, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, nhà khoa học và doanh nghiệp; thúc đẩy phát triển thị trường khoa học, công nghệ, các ngành

công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ; tăng cường hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ.

Tổ Công tác về tài chính, đầu tư, nguồn lực do đồng chí Ngô Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên Ban Chỉ đạo làm Tổ trưởng.

Tổ Công tác có nhiệm vụ chuyên môn là: Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo các cơ chế, chính sách về tài chính, đầu tư và phát triển nguồn lực phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; theo dõi, đôn đốc việc dự toán, phân bổ, giải ngân, sử dụng ngân sách; tháo gỡ vướng mắc về đầu tư, mua sắm, đặt hàng, đấu thầu, định mức, thanh toán, quyết toán; đề xuất cơ chế huy động nguồn lực xã hội, tín dụng, quỹ đầu tư, vốn mạo hiểm, hợp tác công - tư; phát triển, thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, nhân tài; đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

Tổ Công tác về an ninh mạng do đồng chí Thượng tướng Phạm Thế Tùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an làm Tổ trưởng.

Tổ Công tác có nhiệm vụ chuyên môn gồm: Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo chủ trương, giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; theo dõi, đánh giá, cảnh báo nguy cơ, lỗ hổng, hoạt động tấn công mạng đối với hạ tầng số, nền tảng số, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quan trọng; đôn đốc triển khai các biện pháp bảo vệ, giám sát, ứng cứu, khắc phục sự cố, phục hồi hệ thống.

Nguồn: vietnamplus.vn

QUY ĐỊNH MỚI VỀ CẤP Ý KIẾN PHÁP LÝ

Chính phủ ban hành Nghị định số 324/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 51/2015/NĐ-CP ngày 26/5/2015 của Chính phủ về cấp ý kiến pháp lý.

Làm rõ các trường hợp được cấp ý kiến pháp lý

Trong đó, Nghị định 324/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định 51/2015/NĐ-CP về đối tượng cấp ý kiến pháp lý theo hướng quy định Bộ Tư pháp xem xét cấp ý kiến pháp lý đối với điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nhân danh Chính phủ; văn bản bảo lãnh Chính phủ cho các khoản vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh hoặc văn bản bảo lãnh Chính phủ cho khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh; thỏa thuận phát hành trái phiếu quốc tế của Chính phủ; các trường hợp đặc biệt khác theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Như vậy, so với Nghị định 51/2015/NĐ-CP, quy định mới tại Nghị định 324/2026/NĐ-CP không còn liệt kê dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) là một đối tượng cấp ý kiến pháp lý (Điều 5 Nghị định 51/2015/NĐ-CP trước đây quy định riêng trường hợp này).

Rút thời hạn chỉnh lý hồ sơ phức tạp xuống 10 ngày

Bên cạnh đó, Nghị định 324/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 14 về chỉnh lý, làm rõ hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý, cụ thể:

Trường hợp phát hiện nội dung hồ sơ đề nghị cấp ý kiến pháp lý chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ, Bộ Tư pháp có Công văn đề nghị cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý chỉnh lý hoặc làm rõ nội dung hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý.

Trường hợp hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý có nội dung phức tạp, thời hạn Bộ Tư pháp có Công văn yêu cầu chỉnh lý hoặc làm rõ nội dung hồ sơ có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc (Nghị định 51/2015/NĐ-CP quy định có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý.

Cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý có trách nhiệm nghiên cứu, làm rõ và chỉnh lý hồ sơ theo yêu cầu của Bộ Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc (Nghị định 51/2015/NĐ-CP quy định thời hạn 15 ngày), kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bộ Tư pháp. Trường hợp cần kéo dài thời hạn phải có văn bản thông báo cho Bộ Tư pháp, giải trình rõ lý do và nêu rõ thời hạn hoàn thành việc chỉnh lý hồ sơ.

Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử hoặc bản giấy

Nghị định 324/2026/NĐ-CP bổ sung Điều 12a. Hồ sơ của cơ quan, tổ chức liên quan gửi cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý" vào sau Điều 12.

Trong đó, quy định về hồ sơ của cơ quan, tổ chức liên quan và cho phép hồ sơ được gửi bằng bản điện tử hoặc bản giấy.

Trường hợp hồ sơ có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc hệ thống thông tin chưa đáp ứng yêu cầu gửi, tiếp nhận bản điện tử thì hồ sơ được gửi bằng bản giấy.

Đồng thời, Nghị định quy định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý và cơ quan, tổ chức liên quan trong việc cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu; bảo đảm tính chính xác, tính hợp pháp và tính xác thực của hồ sơ gửi Bộ Tư pháp.

Nghị định số 324/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2026. Hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý hợp lệ được gửi đến Bộ Tư pháp trước ngày Nghị định có hiệu lực nhưng chưa được cấp ý kiến pháp lý tiếp tục được thực hiện theo Nghị định 51/2015/NĐ-CP; hồ sơ chưa hợp lệ được gửi sau ngày Nghị định có hiệu lực thì thực hiện theo quy định mới.

Bên cho vay, nhà tài trợ nước ngoài có thể lựa chọn sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư để cung cấp ý kiến pháp lý theo quy định của pháp luật về luật sư thay cho việc lấy ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp, trừ trường hợp đối tượng cấp ý kiến pháp lý hoặc hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Nguồn: baochinhpvu.vn

MỖI ĐỊA ĐIỂM SẼ CÓ MÃ ĐỊNH DANH 12 CHỮ SỐ, HIỆN THỊ TRÊN VNEID

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 326/2026/NĐ-CP ngày 19/8/2026 quy định về định danh địa điểm.

Nghị định này quy định về việc định danh đối với các địa điểm trong lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (trừ các đối tượng thuộc Danh mục bí mật nhà nước); việc xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Định danh địa điểm là hoạt động thu thập, tạo lập dữ liệu và cấp mã định danh cho một địa điểm nhằm phân biệt địa điểm này với địa điểm khác.

Đối tượng được định danh địa điểm là các thửa đất, công trình kiến trúc, công trình xây dựng, kết cấu xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý và các đối tượng khác được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Cơ quan quản lý định danh địa điểm là cơ quan được Bộ Công an giao thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Mỗi địa điểm chỉ có một mã định danh duy nhất gồm 12 chữ số

Nghị định nêu rõ các nguyên tắc định danh địa điểm. Theo đó, mỗi địa điểm chỉ có một mã định danh duy nhất, tuân thủ cấu trúc thống nhất trên toàn quốc, đảm bảo tính liên tục và ổn định, không trùng lặp trong toàn hệ thống.

Đối với loại đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ vị trí nào dọc đoạn đường giao thông đó thì cách gán định danh địa điểm cho đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông, theo đó địa điểm của đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối, địa chỉ tại các nút giao, điểm giao cắt trên tuyến hoặc điểm giao cắt với địa giới hành chính cấp tỉnh.

Việc định danh địa điểm, cấp mã định danh địa điểm được thực hiện dựa trên dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đảm bảo kế thừa, đồng bộ, thống nhất; không thay thế chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện định danh địa điểm phải đảm bảo tuân thủ quy định về quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Mã định danh địa điểm sau khi được tạo lập, gắn mã duy nhất cho một đối tượng cụ thể phải có tính ổn định lâu dài. Mã định danh địa điểm là dãy số tự nhiên gồm 12 chữ số do Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm xác lập. Mỗi địa điểm được gán một mã định danh riêng biệt, không trùng lặp, bảo đảm tính ổn định, mở rộng và khả năng liên kết, tích hợp, kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Cơ quan nhà nước được giao quản lý chuyên ngành đối với đối tượng thuộc danh mục định danh địa điểm hoặc cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành chứa dữ liệu gốc về sự hình thành, tồn tại, biến động của đối tượng có trách nhiệm chủ trì rà

soát, chuẩn hóa, thu thập dữ liệu, đồng bộ dữ liệu về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm để thực hiện cấp mã định danh địa điểm.

Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm

Theo Nghị định, cơ sở dữ liệu định danh địa điểm là cơ sở dữ liệu quốc gia, tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, được chuẩn hóa, lưu trữ và quản lý thông tin về địa điểm của các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Thông tin trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm, bao gồm: Mã định danh địa điểm; đối tượng định danh địa điểm; địa chỉ của địa điểm; lối tiếp cận; mã bưu chính; thông tin tọa độ theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000 hoặc hệ tọa độ toàn cầu WGS-84 (tọa độ điểm đặc trưng hoặc tọa độ biên); các thông tin của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có); trạng thái hoạt động của địa điểm: đang hoạt động, sử dụng, ngừng sử dụng, chuyển địa điểm, thay đổi cấu trúc, tính chất của địa điểm; tên địa điểm; thông tin kết cấu của địa điểm (nếu có); thông tin địa không gian ba chiều của địa điểm (nếu có); cơ quan chủ quản dữ liệu địa điểm (bao gồm tên cơ quan, số định danh tổ chức); dấu hiệu nhận biết của địa điểm (nếu có); cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu, sử dụng địa điểm (nếu có); thông tin địa chỉ các thành phần thuộc địa điểm: mã địa chỉ là chuỗi ký tự do hệ thống định danh địa điểm sinh ngẫu nhiên; thông tin mô tả địa chỉ; các thông tin khác của đối tượng định danh địa điểm được kết nối, chia sẻ từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Khai thác dữ liệu định danh địa điểm từ Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm

Dữ liệu định danh địa điểm được kết nối, chia sẻ, khai thác phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế xã hội. Việc chia sẻ, khai thác dữ liệu định danh địa điểm phải đúng mục đích, phạm vi và thẩm quyền; không yêu cầu cung cấp thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính mà các thông tin trong thành phần hồ sơ đã có dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm.

Đối tượng, phương thức khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm được quy định như sau:

- a) Tổ chức, cá nhân được khai thác dữ liệu công khai về định danh địa điểm trên ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);
- b) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm để thực hiện chức năng, nhiệm vụ thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia, nền tảng định danh và xác thực điện tử và các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- c) Tổ chức, cá nhân được khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm thông qua ứng dụng định danh quốc gia.

Trường hợp khai thác thông tin của người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người dưới 14 tuổi phải được sự đồng ý của người đại diện hợp pháp hoặc người giám hộ; trường hợp người bị tuyên bố mất tích phải được sự đồng

ý của người đang quản lý tài sản của người đó; trường hợp người đã chết phải được sự đồng ý của người thừa kế;

d) Người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người dưới 14 tuổi khai thác thông tin của mình thông qua người đại diện hợp pháp hoặc người giám hộ. Việc khai thác thông tin của người bị tuyên bố mất tích do người quản lý tài sản của người đó quyết định;

đ) Tổ chức, cá nhân không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này được khai thác dữ liệu về định danh địa điểm qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử và phải nộp phí khai thác và sử dụng thông tin.

Trường hợp có nhu cầu khai thác thông tin khác trong Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm, phải được sự đồng ý của chủ sở hữu, quản lý địa điểm đó.

Nguồn: vietnamplus.vn

KHẮC PHỤC TRIỆT ĐỂ TÌNH TRẠNG CHẬM, NỢ BAN HÀNH VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÁC LUẬT, PHÁP LỆNH

Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 8199/VPCP-PL truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu về việc hoàn thiện pháp luật.

Xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc

Văn bản nêu: Xét đề nghị của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số 572/BC-BTP ngày 20 tháng 7 năm 2026 về báo cáo tổng hợp kết quả hoàn thiện pháp luật; khó khăn, vướng mắc, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) theo yêu cầu tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về Phiên họp thường kỳ tháng 01 năm 2025 của Chính phủ (Nghị quyết số 27/NQ-CP) và kết quả thực hiện Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Ứng dụng công nghệ số trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật” trong Quý II năm 2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu đã cơ bản đồng ý đề xuất của Bộ Tư pháp.

Đối với việc thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP và các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch hoạt động năm 2026, Phó Thủ tướng yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang bộ theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, khắc phục triệt để tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản quy định chi tiết.

Đồng thời, tập trung xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc tại các báo cáo kết quả rà soát VBQPPL; chủ động xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ

chức bộ máy của các Bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trước ngày 28 tháng 02 năm 2027.

Báo cáo định kỳ theo Quý về tình hình thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP, cập nhật đầy đủ, kịp thời tiến độ xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý trên “Hệ thống thông tin quản lý Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật”; tập trung nguồn lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Khắc phục ngay tình trạng chậm xử lý phản ánh, kiến nghị tại một số bộ, cơ quan, địa phương

Đối với việc triển khai Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật theo Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Ứng dụng công nghệ số trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật”, các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 48/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức xử lý kịp thời, đúng hạn các phản ánh, kiến nghị, kịp thời khắc phục ngay tình trạng chậm xử lý phản ánh, kiến nghị tại một số bộ, cơ quan, địa phương.

Đồng thời, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin có liên quan, xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác, thống nhất, phục vụ hiệu quả công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật.

Tổ chức hướng dẫn, tập huấn việc khai thác, sử dụng Hệ thống cho các đơn vị, cá nhân liên quan; phân tích, khai thác dữ liệu phản ánh, kiến nghị để phục vụ công tác rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, kịp thời tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý các quy định của văn bản quy phạm pháp luật có nội dung vướng mắc, bất cập.

Nguồn: baочinhphu.vn

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VÀ CƠ CHẾ ĐIỀU PHỐI NGUỒN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Ngày 10/8/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, điều phối nguồn vật liệu xây dựng thông thường phục vụ các công trình trọng điểm quốc gia.

Báo cáo cho biết, qua tổng hợp kết quả rà soát của các tỉnh, thành phố và đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có thể khẳng định rằng nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật

liệu xây dựng thông thường của Việt Nam về tổng thể cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và triển khai các công trình, dự án trọng điểm quốc gia trong trung và dài hạn.

Kết quả rà soát cho thấy nhiều địa phương có nguồn tài nguyên phong phú, trữ lượng lớn, công suất khai thác còn dư địa để nâng cao và có khả năng hỗ trợ các địa phương khác. Đồng thời, nhiều địa phương đã chủ động rà soát nguồn vật liệu, xây dựng phương án bảo đảm cung ứng và từng bước triển khai đánh giá tiềm năng khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản.

Tuy nhiên, nguồn tài nguyên khoáng sản phân bố không đồng đều giữa các vùng, các địa phương; trong khi nhu cầu vật liệu xây dựng tập trung rất lớn tại các khu vực đang đồng thời triển khai nhiều công trình, dự án trọng điểm quốc gia. Bên cạnh đó, tiến độ điều tra địa chất, đánh giá tiềm năng khoáng sản, cập nhật quy hoạch, chuẩn bị quỹ mỏ, cấp phép khai thác, nâng công suất các mỏ hiện có và công tác điều phối nguồn vật liệu giữa các địa phương còn chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng thiếu hụt cục bộ một số loại vật liệu xây dựng tại một số địa phương trong từng thời điểm.

Qua đó cho thấy, vấn đề hiện nay không phải là thiếu tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng, mà là cần nâng cao hiệu quả quản trị tài nguyên và tổ chức điều phối nguồn cung trên phạm vi quốc gia. Việc bảo đảm nguồn vật liệu xây dựng phải được tiếp cận theo chuỗi từ điều tra địa chất, đánh giá tiềm năng khoáng sản, quy hoạch, chuẩn bị quỹ mỏ, cấp phép khai thác, khai thác hợp lý, xây dựng cơ sở dữ liệu đến điều phối và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên giữa các địa phương... Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá nguồn vật liệu xây dựng của các tỉnh, thành phố, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương triển khai một số nhiệm vụ.

Xây dựng cơ chế điều phối nguồn vật liệu xây dựng liên vùng và liên tỉnh

Xét báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tại văn bản số 8368/VPCP-CN ngày 18/8/2026, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc yêu cầu các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xử lý kiến nghị của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền các nội dung vượt thẩm quyền.

Trong đó, Phó Thủ tướng yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn cung vật liệu xây dựng, tích hợp dữ liệu về mỏ, trữ lượng, công suất khai thác, nhu cầu sử dụng, khả năng điều phối và cập nhật thường xuyên để phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Đồng thời, chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng cơ chế điều phối nguồn vật liệu xây dựng liên vùng và liên tỉnh trong tháng 10 năm 2026, bảo đảm ưu tiên cung cấp vật liệu cho các công trình, dự án quan trọng quốc gia.

Định kỳ hằng năm công bố Bản đồ số quốc gia về nguồn cung vật liệu xây dựng, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, đồng thời hỗ trợ địa phương trong việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng vật liệu; xây dựng cơ chế dự phòng nguồn vật liệu xây dựng và cơ chế điều phối vật liệu xây dựng theo vùng kinh tế với lộ trình cụ thể.

Xây dựng hệ thống dự báo cung - cầu vật liệu xây dựng

Phó Thủ tướng cũng yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng hệ thống dự báo cung - cầu vật liệu xây dựng theo từng vùng, từng loại vật liệu và từng giai đoạn phát triển, làm cơ sở tham mưu cho Chính phủ trong công tác chỉ đạo, điều hành; định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá tình hình cung - cầu vật liệu xây dựng trên phạm vi cả nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề xuất điều chỉnh phương án điều phối khi cần thiết.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí nguồn lực tài chính cho công tác điều tra địa chất và đánh giá tiềm năng khoáng sản tại các địa phương còn khó khăn theo quy định pháp luật.

Tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin

Phó Thủ tướng yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố hoàn thành việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án đánh giá tiềm năng khoáng sản nhóm III, nhóm IV trước Quý II năm 2027 theo thẩm quyền, bảo đảm chủ động chuẩn bị nguồn vật liệu xây dựng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và các công trình trọng điểm; bố trí đầy đủ kinh phí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện điều tra địa chất, đánh giá tiềm năng khoáng sản và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản theo quy định pháp luật.

Khẩn trương rà soát, cập nhật quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan theo thẩm quyền và quy định pháp luật, trong đó cần rà soát, bổ sung các khu vực có tiềm năng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo đảm đồng bộ với quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng.

Rà soát các mỏ đang khai thác để xem xét điều chỉnh công suất đối với các mỏ đủ điều kiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu vật liệu cho các công trình trọng điểm; chủ động chuẩn bị quỹ mỏ vật liệu xây dựng phục vụ các dự án trong giai đoạn 2030 - 2045, tránh tình trạng bị động khi triển khai các dự án quy mô lớn.

Phó Thủ tướng yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện nghiêm các nội dung nêu trên; tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm nguồn vật liệu xây dựng phục vụ các công trình, dự án trọng điểm thuộc phạm vi quản lý.

Nguồn: baohinhphu.vn

ĐẾN HẾT NĂM 2027, CƠ BẢN HOÀN THÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUỐC GIA VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐẤT ĐAI

Chính phủ đã có Nghị quyết số 229/NQ-CP ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV

về quan điểm, định hướng sửa đổi Luật Đất đai và các luật có liên quan và Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW (Kế hoạch).

Mục đích, yêu cầu Kế hoạch đặt ra là việc xây dựng, sửa đổi Luật Đất đai và các luật có liên quan phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất, bảo đảm kế thừa các quy định còn phù hợp, tăng cường tham vấn chuyên gia, nhà khoa học, người dân, cộng đồng doanh nghiệp và các đối tượng chịu tác động để bảo đảm chất lượng chính sách và tính khả thi của văn bản pháp luật.

Tuyên truyền, phổ biến, thống nhất nhận thức về quản lý và sử dụng đất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Trong đó, Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của từng cơ quan, địa phương; bảo đảm việc triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả từ trung ương đến địa phương.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; tăng cường ứng dụng nền tảng số, hệ thống truyền thông đa phương tiện, báo chí, xuất bản để phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách mới về đất đai.

Tập trung tuyên truyền làm rõ các nội dung cốt lõi của Nghị quyết, nhất là nguyên tắc đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý; quyền, trách nhiệm của Nhà nước với tư cách là đại diện chủ sở hữu; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; yêu cầu sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững; phát huy nguồn lực đất đai cho phát triển nhưng đồng thời phải bảo đảm công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp thực hiện công tác quản lý đất đai; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu đối với đội ngũ làm công tác xây dựng pháp luật, quy hoạch, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, định giá đất, đăng ký đất đai và giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai.

Hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý và sử dụng đất đồng bộ với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát toàn diện Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đánh giá đầy đủ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành; xác định rõ các nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Tập trung xây dựng dự án Luật Đất đai (sửa đổi) theo đúng tiến độ được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng về đổi mới công tác quy hoạch, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giá đất, tài chính đất đai, thị trường quyền sử dụng đất, quản lý đất nông nghiệp,

đất đa mục đích, đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế và các cơ chế xử lý các hạn chế vướng mắc về đất đai do lịch sử để lại.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai

Mục tiêu nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất, theo đó, đổi mới căn bản phương thức quản lý nhà nước về đất đai theo hướng quản trị hiện đại về đất đai, công khai, minh bạch, dựa trên dữ liệu số; xây dựng hệ thống quản lý đất đai thống nhất từ trung ương đến địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận đất đai và thực hiện thủ tục hành chính. Đến hết năm 2027, cơ bản hoàn thành Hệ thống thông tin quốc gia và cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Các bộ, ngành và địa phương tiếp tục rà soát, đơn giản hóa trình tự, thủ tục hành chính về quy hoạch, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giá đất, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các thủ tục hành chính khác có liên quan; cắt giảm tối đa các khâu trung gian, loại bỏ những quy định không còn phù hợp, giảm thời gian giải quyết hồ sơ và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, hiện đại, đa mục tiêu; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quy hoạch, thuế, công chứng, ngân hàng, bất động sản... cập nhật đầy đủ, kịp thời các biến động đất đai, đảm bảo yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ công.

Ưu tiên bố trí nguồn lực để đảm bảo đến hết năm 2027 cơ bản hoàn thành công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

Ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý đất đai.

Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai

Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên, hiệu quả trong quản lý và sử dụng đất; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội và tăng cường niềm tin của Nhân dân.

Tập trung giải quyết cơ bản những hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc kéo dài trong quản lý, sử dụng đất

Rà soát toàn diện hiện trạng quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh; xác định rõ diện tích không đầu tư, giao khoán không đúng đối tượng, bị lấn, chiếm, tranh chấp; phân định rõ diện tích do công ty nông, lâm nghiệp tiếp tục sử dụng với diện tích giao địa phương quản lý; giải quyết dứt điểm tình trạng chồng lấn, tranh chấp, khiếu kiện; xây dựng phương án thu hồi đất để giao cho địa phương quản lý, thực hiện giao đất, cho

thuê đất theo quy định, phù hợp với điều kiện từng địa phương, vùng, miền; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Bên cạnh đó, rà soát quỹ đất cơ quan, trụ sở dôi dư, đất sau cổ phần hóa, thoái vốn, dự án tồn đọng, kéo dài; đất của các cơ sở sản xuất, đơn vị sự nghiệp đã di dời khỏi trung tâm đô thị lớn. Có cơ chế quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả quỹ đất này bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch việc thu hồi, giao đất, cho thuê đất, đấu giá, đấu thầu theo quy hoạch; kiên quyết thu hồi các khu đất sử dụng sai mục đích, để hoang hóa, lãng phí hoặc chậm đưa vào sử dụng.

Đồng thời, triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo các chương trình mục tiêu quốc gia.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 1618/QĐ-TTg, bổ nhiệm ông Nguyễn Trí Dũng, Ủy viên Ban Chỉ đạo các công trình trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia lĩnh vực đường sắt giữ chức Trợ lý của đồng chí Hồ Quốc Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định số 1599/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Đào Trọng Đức, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Quyết định số 1589/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với bà Nguyễn Thị Cát Tiên, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Xuân Lộc, thành phố Đồng Nai.

* Thành phố Hà Nội

- Ông Nguyễn Quang Hiếu, Thành ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Từ Liêm được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.

* Tỉnh Lạng Sơn

- Bổ nhiệm ông Trịnh Tiến Duy, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Đồng Đăng giữ chức vụ Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn;

- Bổ nhiệm đồng chí Đinh Thị Anh Thư, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Cai Kinh giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn.

Nguồn: Tổng hợp từ baocinhphu.vn và vov.vn